

Số: 10 /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 08 tháng 03 năm 2017.

SỞ TƯ PHÁP BẮC KẠN
CHÍNH VĂN HIỆN
Số 765
Ngày 13/3/2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chế độ báo cáo
thống kê Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 360/TTr-STP ngày 25 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chế độ báo cáo thống kê Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

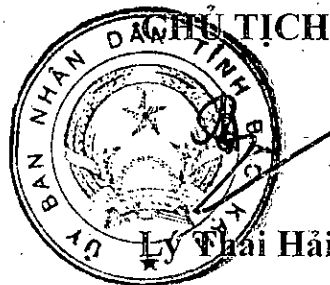
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/03/2017 và thay thế Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Quy định về chế độ báo cáo thống kê Tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục KTVB- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, PC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Handwritten text, possibly a signature or date, located in the upper right corner of the page.



QUY ĐỊNH

Về chế độ báo cáo thống kê Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10 /2017/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chế độ báo cáo thống kê Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Tư pháp quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Kạn về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp và theo quy định của pháp luật.

Hoạt động thống kê thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này được tiến hành trong các lĩnh vực sau:

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;
2. Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;
3. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
4. Kiểm soát thủ tục hành chính;
5. Phổ biến, giáo dục pháp luật;
6. Hòa giải ở cơ sở;
7. Hộ tịch;
8. Quốc tịch;
9. Chứng thực;
10. Lý lịch tư pháp;
11. Nuôi con nuôi;
12. Trợ giúp pháp lý;
13. Đăng ký giao dịch bảo đảm;
14. Luật sư;
15. Công chứng;
16. Giám định tư pháp;
17. Bán đấu giá tài sản;

18. Trọng tài thương mại;

19. Pháp chế.

Hoạt động thống kê các lĩnh vực khác thuộc ngành Tư pháp trên địa bàn tỉnh không quy định tại Quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
2. Các đơn vị trực thuộc Sở Tư pháp;
3. UBND các huyện, thành phố;
4. UBND các xã, phường, thị trấn;
5. Phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn khác có liên quan thuộc UBND các huyện, thành phố;
6. Các tổ chức hành nghề luật sư, công chứng;
7. Các tổ chức bán đấu giá tài sản, giám định tư pháp;
8. Các tổ chức đăng ký giao dịch bảo đảm;
9. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;
10. Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thông tin thống kê

1. Thông tin thống kê Tư pháp bao gồm số liệu thống kê và bản phân tích các số liệu đó.
2. Thông tin thống kê Tư pháp được thu thập chủ yếu bằng các hình thức sau:
 - a) Báo cáo thống kê;
 - b) Điều tra thống kê;
 - c) Sử dụng dữ liệu hành chính.
3. Báo cáo thống kê gồm hai loại: báo cáo thống kê cơ sở và báo cáo thống kê tổng hợp. Mỗi loại báo cáo bao gồm báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất.

Chương II

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ

Điều 4. Về thể thức báo cáo thống kê

1. Báo cáo thống kê Tư pháp thực hiện chủ yếu dưới dạng biểu mẫu báo cáo thống kê, gồm các thông tin cụ thể về tên biểu báo cáo thống kê; tên đơn vị thực hiện báo cáo và nhận báo cáo (sau đây gọi là đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo); kỳ báo cáo; nội dung báo cáo; đơn vị tính; ngày tháng năm thực hiện báo cáo; họ tên, chữ ký của người lập biểu báo cáo, người kiểm tra biểu; họ tên, chữ

ký của thủ trưởng đơn vị báo cáo, đóng dấu theo quy định và các nội dung khác có liên quan.

2. Trường hợp cần làm rõ hơn các thông tin có liên quan đến số liệu nêu trong các báo cáo thống kê và các thông tin khác có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê, đơn vị báo cáo có thể bổ sung thêm phần thuyết minh (chú thích) theo một hoặc kết hợp các hình thức sau:

a) Ghi trực tiếp tại vị trí cuối cùng bên ngoài khung biểu mẫu báo cáo thống kê, phía trên của phần chữ ký nêu tại khoản 1 Điều này (trong trường hợp nội dung chú thích không nhiều);

b) Thể hiện dưới hình thức Công văn (theo mẫu chi tiết quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này).

Điều 5. Hình thức báo cáo

Báo cáo thống kê được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

1. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng đơn vị thực hiện chế độ báo cáo; được gửi theo đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo bằng văn bản điện tử dạng ảnh (định dạng pdf) của báo cáo giấy theo quy định tại khoản 1 điều này.

4. Báo cáo bằng tiện ích trên phần mềm thống kê Tư pháp do Bộ Tư pháp chủ trì thống nhất xây dựng và triển khai.

Điều 6. Báo cáo thống kê định kỳ

1. Báo cáo thống kê định kỳ gửi Bộ Tư pháp.

1.1. Báo cáo thống kê định kỳ được lập hàng năm, theo định kỳ 6 tháng và một năm theo danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê tư pháp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

a) Kỳ báo cáo thống kê 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính trong kỳ báo cáo. Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 5, số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 6 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Kỳ báo cáo thống kê năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm, bao gồm:

- Báo cáo năm lần một: Gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính. Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Báo cáo năm chính thức: Gồm toàn bộ số liệu thực tế được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

1.2. Thời hạn nhận báo cáo

a) Thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ của mỗi cấp báo cáo được quy định cụ thể tại góc trên cùng, bên trái của từng biểu mẫu báo cáo thống kê và tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Trường hợp thời hạn nhận báo cáo thống kê nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày nghỉ lễ theo quy định của pháp luật thì thời hạn nhận báo cáo thống kê định kỳ được tính vào ngày làm việc tiếp theo sau ngày nghỉ đó.

1.3. Ước tính số liệu thống kê

a) Việc ước tính số liệu thống kê được thực hiện trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một.

Số liệu ước tính là số liệu của thời gian sẽ diễn ra trong kỳ báo cáo, có sử dụng phương pháp chuyên môn để ước tính.

b) Phương pháp ước tính số liệu và cách ghi số liệu thực tế, số liệu ước tính được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Báo cáo thống kê định kỳ gửi UBND tỉnh.

a) Báo cáo tháng: Thời điểm lấy số liệu từ ngày 01 đến hết ngày 30 hàng tháng; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày chốt số liệu.

b) Báo cáo quý: Thời điểm lấy số liệu từ ngày 01 của tháng đầu quý đến hết ngày 30 tháng cuối quý; thời hạn gửi báo cáo chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày chốt số liệu.

Điều 7. Báo cáo thống kê đột xuất

Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản có chữ ký của Lãnh đạo Bộ Tư pháp, UBND tỉnh. Kết cấu, nội dung, phương thức, kỳ hạn báo cáo, thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo thống kê đột xuất, nơi nhận báo cáo và các nội dung khác có liên quan được quy định tại văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu báo cáo.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện báo cáo và nhận báo cáo

1. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện báo cáo

a) Ghi chép, tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo trung thực, chính xác, đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Quyết định này;

b) Tự kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thống kê đối với các thông tin thống kê thuộc thẩm quyền để kịp thời đính chính, bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn sai sót, còn thiếu và chưa chính xác trong báo cáo thống kê. Chính lý hoặc bổ sung các thông tin cần thiết có liên quan đến báo cáo thống kê khi có yêu cầu của đơn vị nhận báo cáo;

c) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật thống kê và quy định tại Quyết định này.

d) Thủ trưởng đơn vị thực hiện báo cáo có trách nhiệm

- Tổ chức thực hiện quy định tại các điểm a, b, c của Khoản 1 Điều này.

- Phân công người kiểm tra biểu mẫu thống kê để thực hiện việc tự kiểm tra về thể thức và nội dung báo cáo thống kê trước khi ký báo cáo gửi cấp có thẩm quyền đồng thời chịu trách nhiệm trước cấp trên trực tiếp và trước pháp luật về nội dung báo cáo.

2. Trách nhiệm của đơn vị nhận báo cáo

a) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp thông tin thống kê từ các báo cáo thống kê nhận được theo thẩm quyền để xây dựng báo cáo thống kê tổng hợp của cấp mình.

b) Kịp thời yêu cầu cơ quan thực hiện báo cáo thống kê đính chính, bổ sung, điều chỉnh những thông tin còn sai sót, còn thiếu hoặc cần xác định lại tính chính xác trong nội dung báo cáo thống kê.

c) Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành đối chiếu thông tin thống kê nhận được hoặc căn cứ vào các nguồn thông tin chính thức khác có được theo thẩm quyền quản lý nhà nước để bổ sung, chỉnh lý số liệu thống kê thu thập được nhằm bảo đảm tính chính xác, toàn diện, trung thực, khách quan của thông tin thống kê thuộc trách nhiệm tổng hợp của đơn vị mình.

d) Nộp báo cáo thống kê tổng hợp đúng hạn cho các cấp sử dụng thông tin thống kê theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về thống kê và quy định tại Quyết định này.

Điều 9. Chỉnh lý, bổ sung thông tin thống kê

1. Việc chỉnh lý, bổ sung thông tin thống kê được áp dụng trong trường hợp số liệu thống kê trong báo cáo thống kê bằng văn bản còn thiếu hoặc chưa đảm bảo tính chính xác, hợp lý.

2. Việc chỉnh lý, bổ sung báo cáo thống kê được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, tiện ích báo cáo trên phần mềm thống kê Tu pháp quy định tại Điều 5 của Quy định này, trong đó ghi rõ thời gian lập báo cáo và có chữ ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng chữ ký số theo đúng quy định pháp luật của Thủ trưởng đơn vị nơi lập báo cáo thống kê.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường thị trấn trong phạm vi nhiệm vụ và thẩm quyền được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

3. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp trong việc bảo đảm kinh phí và các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



PHỤ LỤC I

MẪU CÔNG VĂN GỬI BÁO CÁO THỐNG KÊ

Tên đơn vị báo cáo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng năm.....

V/v báo cáo thống kê 6 tháng/năm

Kính gửi:(Nêu rõ tên đơn vị nhận báo cáo)

Thực hiện Quyết định số ngày của UBND tỉnh về việc Quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, đơn vị thuyết minh về báo cáo thống kê theo kỳ báo cáo ước tính 6 tháng (ước tính năm/năm) của năm 201... như sau:

1. Tình hình lập báo cáo thống kê

- Nêu rõ tổng số các báo cáo thống kê kèm theo Công văn này.

- Liệt kê cụ thể số ký hiệu và tên biểu báo cáo thống kê gửi kèm Công văn.

+ Báo cáo theo Biểu mẫu số... về ...; (Ví dụ: Báo cáo theo Biểu mẫu số 01c/BTP/VĐC/XDPL về số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) được soạn thảo, ban hành trên địa bàn tỉnh; số Dự thảo VBQPPL do cơ quan tư pháp trên địa bàn tỉnh thẩm định).

+ Báo cáo theo Biểu mẫu số ... về ...

(Từng biểu báo cáo gửi kèm có đủ chữ ký của các đối tượng báo cáo theo mẫu ghi trên biểu và có đóng dấu theo đúng quy định).

2. Liệt kê rõ số ký hiệu tên báo cáo thống kê mà đơn vị có trách nhiệm phải báo cáo trong kỳ nhưng không gửi báo cáo. Cụ thể như sau:

2.1. Liệt kê rõ số ký hiệu, tên biểu của các báo cáo thống kê không gửi vì không có số liệu phát sinh trong kỳ báo cáo.

2.2. Liệt kê rõ số ký hiệu, tên biểu của các báo cáo thống kê không gửi, do đơn vị báo cáo không thể tổng hợp được số liệu trong kỳ báo cáo, nêu rõ nguyên nhân

3. Những vấn đề cần thuyết minh để làm rõ hơn về nội dung số liệu thống kê trong một số biểu mẫu báo cáo (nếu có)

Ví dụ: Nêu rõ lý do một số biểu báo cáo có số liệu thống kê trong kỳ tăng hoặc giảm đột biến; lý do một số báo cáo điền không đầy đủ nội dung tiêu thức thống kê theo yêu cầu trên biểu; các nội dung khác cần thuyết minh (nêu rõ số ký hiệu biểu, tên biểu có nội dung cần thuyết minh).

4. Những nội dung khác mà đơn vị báo cáo thấy cần thuyết minh thêm để phản ánh rõ hơn thực trạng quản lý nhà nước ở địa bàn trong một số lĩnh vực (nếu có).

5. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện biểu mẫu từ chính các quy định của biểu mẫu thống kê (nếu có); đề xuất kiến nghị chỉnh sửa, bổ sung biểu mẫu thống kê (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Thủ trưởng đơn vị báo cáo
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 01a/BTP/VĐC/XDPL

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL) ĐƯỢC
SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ
(6 tháng/năm)**

Đơn vị báo cáo:

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

Ủy ban nhân dân xã/phường/
thị trấn....

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị
xã/thành phố thuộc tỉnh

(Phòng Tư pháp)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị tính: Văn bản

Số VBQPPL do Ủy ban nhân dân (UBND) chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành		
Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL	
	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 4:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 01b/BTP/VĐC/XDPL

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm

sau

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN;
SỐ DỰ THẢO VBQPPL DO PHÒNG TƯ PHÁP THẨM ĐỊNH
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp...

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/
quận/thị xã/thành phố
(thuộc tỉnh)

	Số VBQPPL do Ủy ban nhân dân (UBND) chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL do Phòng Tư pháp đã thẩm định		
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản	
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn huyện									
I. Tại cấp huyện									
II. Tại cấp xã							-	-	-
1. Tên xã.....									
2. Tên xã.....									
3. Tên xã.....									
...									

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 4:; Cột 7:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 01c/BTP/VĐC/XDPL

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
ĐƯỢC SOẠN THẢO, BAN HÀNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH;
SỐ DỰ THẢO VBQPPL DO CƠ QUAN TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH THẨM ĐỊNH
(6 tháng/năm)**

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

	Số VBQPPL được chủ trì soạn thảo (bao gồm kỳ trước chuyển sang)			Số VBQPPL đã được ban hành			Số dự thảo VBQPPL được thẩm định						
	Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Tổng số	Chia theo tên loại VBQPPL		Số văn bản do Phòng Tư pháp đã thẩm định			Số văn bản do Sở Tư pháp đã thẩm định			
		Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)	Quyết định của Ủy ban nhân dân (UBND)		Nghị quyết của HĐND	Quyết định của UBND	Chia theo tên loại văn bản		Thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh trình	Thẩm định VBQPPL			
							Số Nghị quyết của HĐND	Số Quyết định của UBND		Tổng số	Chia theo tên loại văn bản		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		(11)	(12)	(13)
Tổng số trên địa bàn tỉnh													
I. Tại cấp tỉnh							-	-					
II. Tại cấp huyện										-	-	-	-
I. Tên huyện....										-	-	-	-
III. Tại cấp xã										-	-	-	-
I. Tên huyện....										-	-	-	-

Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 4:; Cột 7:; Cột 10:; Cột 11:

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

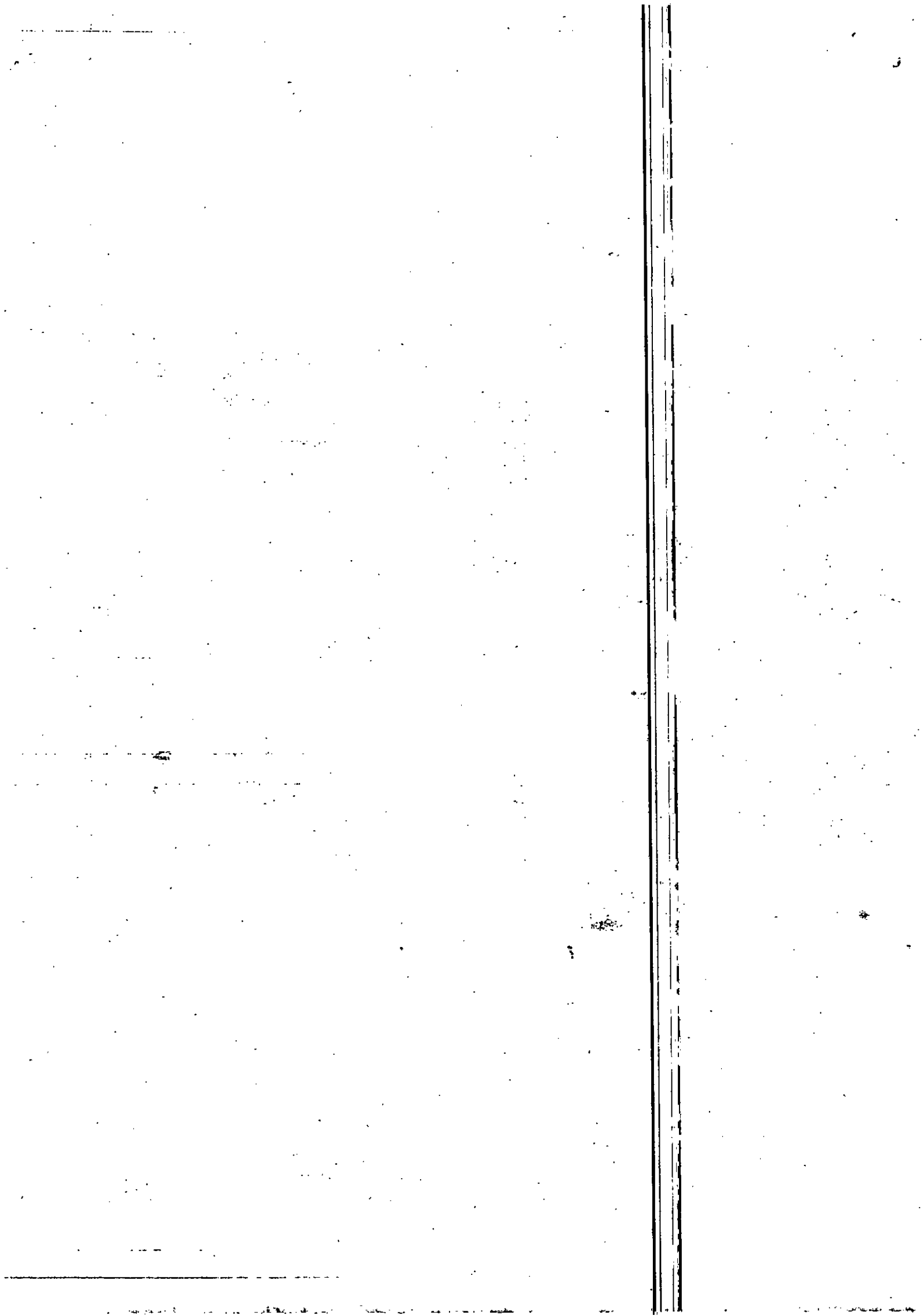
Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số 02/BTP/VBC/XDPL

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
(VBQPPL) ĐƯỢC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ
BÌNH ĐẲNG GIỚI

Năm chính thức
(Từ ngày 01 tháng 01 năm.....
đến ngày 31 tháng 12 năm.....)

Đơn vị báo cáo:

- Bộ, Cơ quan ngang bộ (Tổ chức Pháp chế bộ/ngành)...
- Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

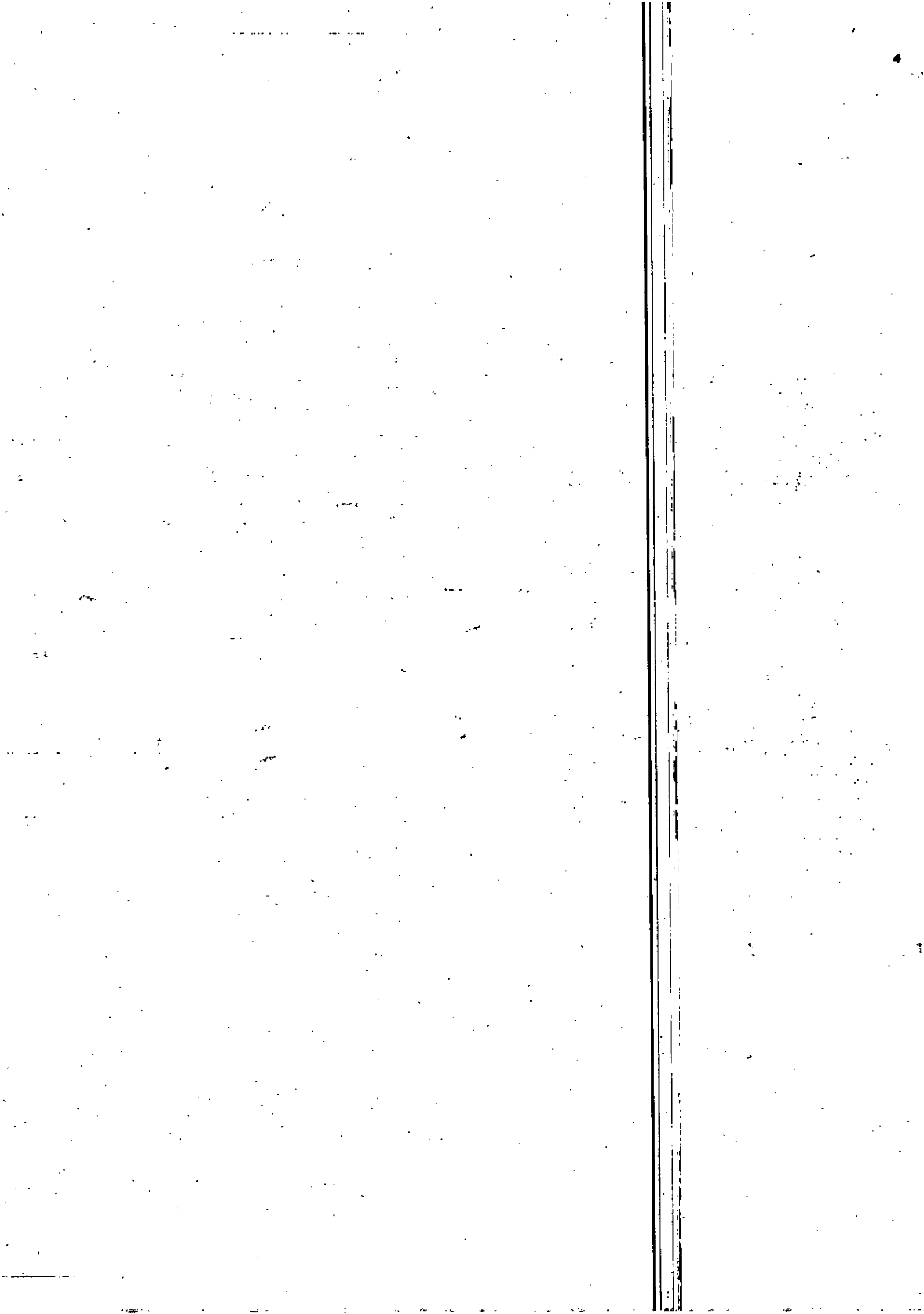
Đơn vị tính: Văn bản

Chia theo tên loại văn bản QPPL		Số VBQPPL được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới đã được ban hành
(A)		(1)
Tổng số		
I	VBQPPL do các Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì soạn thảo, ban hành	
1	Luật của Quốc hội	
2	Nghị quyết của Quốc hội	
3	Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH)	
4	Nghị quyết của UBTVQH	
5	Nghị quyết liên tịch giữa UBTVQH với Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBTWMTTQ VN)	
6	Lệnh của Chủ tịch nước	
7	Quyết định của Chủ tịch nước	
8	Nghị định của Chính phủ	
9	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ với Đoàn Chủ tịch UBTWMTTQ VN	
10	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	
11	Thông tư của Bộ, cơ quan ngang Bộ	
12	Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao	
II	VBQPPL do các cơ quan cấp tỉnh soạn thảo, ban hành	
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số: 03a/BTP/KTrVB/TKT

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA,
XỬ LÝ VĂN BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố
thuộc tỉnh... (Phòng Tư pháp)

Đơn vị tính: Văn bản

Số văn bản (VB) đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã được xử lý				
Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
	Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản quy phạm pháp luật		VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL		Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của kỳ trước được xử lý trong kỳ này		
				Tổng số	Chia ra			Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 9:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng ... năm.....

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 03b/BTP/KTrVB/TKT

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp...

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị xã/thành
phố (thuộc tỉnh)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản (VB) đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyên sang)			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã được xử lý				
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
		Văn bản quy phạm pháp luật	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)		VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL		Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của kỳ trước được xử lý trong kỳ này		
					Tổng số	Chia ra			Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
A													
Tổng số trên địa bàn huyện													
1. Tại cấp huyện													
2. Tại cấp xã													
Tên xã....													
Tên xã....													
....													

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 9:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 03c/BTP/KTrVB/TKT

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA,
XỬ LÝ VĂN BẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản (VB) đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã được xử lý				
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản quy phạm pháp luật		VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa QPPL		Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của kỳ trước được xử lý trong kỳ này		
					Tổng số	Chia ra			Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: số VBQPPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh													
1. Tại cấp tỉnh													
2. Tại địa bàn huyện													
Tên huyện....													
Tên huyện....													
....													

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 9:.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

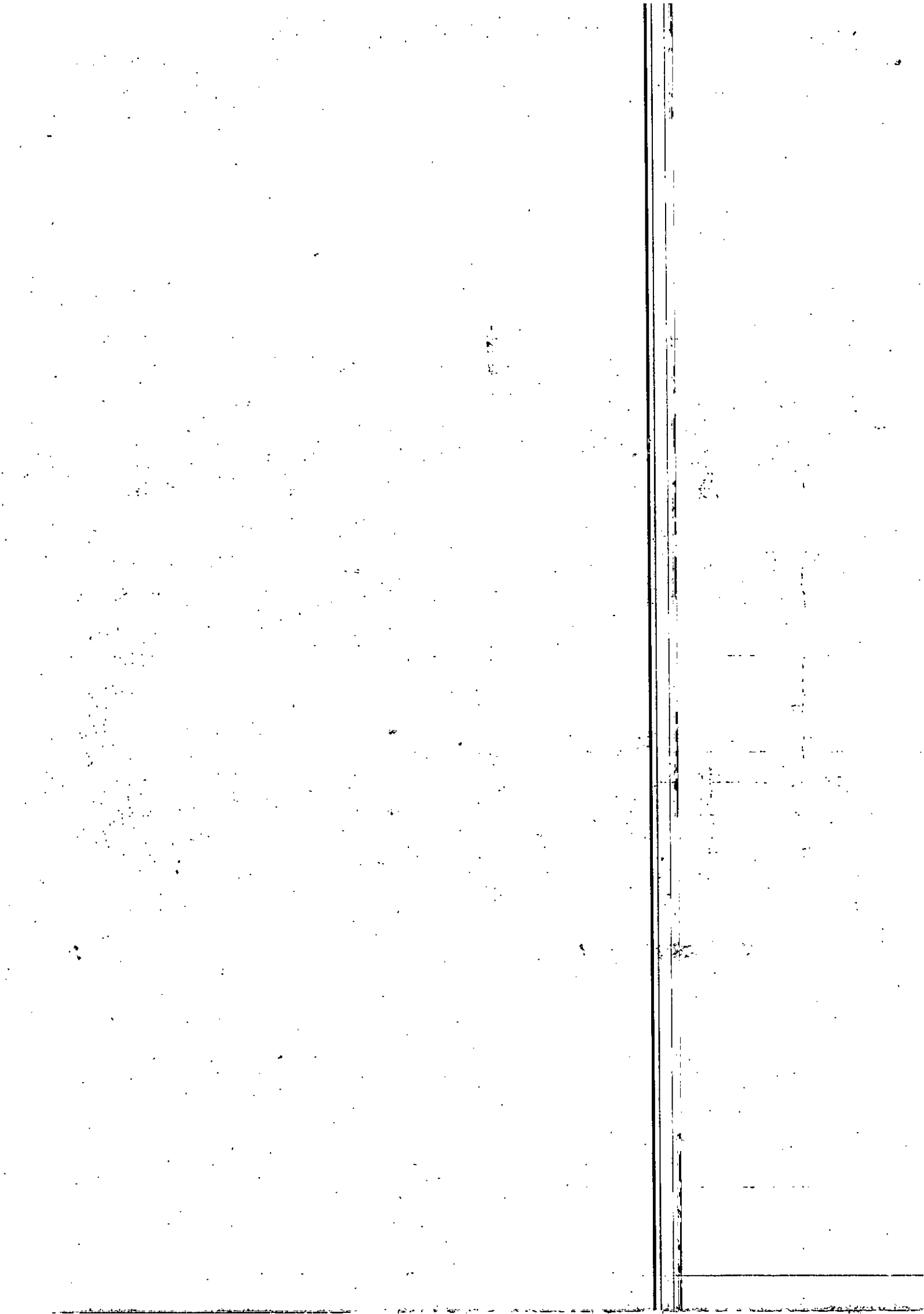
Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Ngày tháng ... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Biểu số: 04a/BTP/KTrVB/KTTTQ

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN

HUYỆN

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp...

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị xã/thành phố (thuộc tỉnh)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Đơn vị tính: Văn bản

Số văn bản (VB) tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB đã kiểm tra			Số VB phát hiện trái pháp luật				Số VB phát hiện trái pháp luật đã xử lý					
Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
	Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPPL	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		Văn bản quy phạm pháp luật		VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này		
							Tổng số	Chia ra			Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4:.....; Cột 12:.....

Ngày tháng ... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 04b/BTP/KTr/VB/KTTTQ

KẾT QUẢ KIỂM TRA, XỬ LÝ VĂN BẢN THEO THẨM QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Ngày nhận báo cáo (BC):
 BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm
 BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
 BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(6 tháng/năm)
 Kỳ báo cáo:.....
 (Từ ngày.....tháng.....năm.....
 đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
 Sở Tư pháp....
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản (VB) tiếp nhận để kiểm tra theo thẩm quyền (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)			Số VB đã kiểm tra			Số VB phát hiện trái pháp luật					Số VB phát hiện trái pháp luật đã xử lý				
	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra				
		Văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPPL	VB không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra		VBQPPL		VB không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		Đã xử lý trong kỳ báo cáo		VB của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này		
								Tổng số	Chia ra			Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL	Tổng số	Trong đó: Số VBQPPL	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh																
1. Tại UBND cấp tỉnh																
2. Tại UBND cấp huyện																
Tên huyện....																
Tên huyện....																

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
 - Số liệu ước tính Cột 4:.....; Cột 12:.....

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

Người kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

Ngày tháng ... năm.....
GIÁM ĐỐC
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 05a/BTP/KTrVB/RSVB

SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

Đơn vị báo cáo:

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

(Năm)

(Từ ngày tháng năm
đến ngày tháng năm)

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn...

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh... (Phòng Tư pháp)

Đơn vị tính: Văn bản

Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		
Tổng	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
	Đã được rà soát	Chưa được rà soát		Đã xử lý	Chưa xử lý		Đã xử lý	Chưa xử lý
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1; Cột 4; Cột 7

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 05b/BTP/KTrVB/RSVB

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC
RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày..... tháng..... năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp...

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị xã/thành phố
(thuộc tỉnh)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		
	Tổng	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
		Đã được rà soát	Chưa được rà soát		Đã xử lý	Chưa xử lý		Đã xử lý	Chưa xử lý
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn huyện									
1. Tại cấp huyện									
2. Tại UBND cấp xã									
Tên xã.....									
Tên xã.....									
.....									
.....									

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1.....; Cột 4.....; Cột 7.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày ... tháng ... năm ...

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 05c/BTP/KTrVB/RSVB

**SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC
RÀ SOÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp...

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Văn bản

	Số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) phải được rà soát (trong kỳ báo cáo)			Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)			Kết quả xử lý VBQPPL chưa xử lý xong của các kỳ trước (số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới)		
	Tổng	Chia ra		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
		Đã được rà soát	Chưa được rà soát		Đã xử lý	Chưa xử lý		Đã xử lý	Chưa xử lý
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn tỉnh									
1. Tại UBND cấp tỉnh									
2. Tại địa bàn huyện									
Tên huyện...									
Tên huyện...									
.....									

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1.....; Cột 4.....; Cột 7.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên, đơn vị công tác)

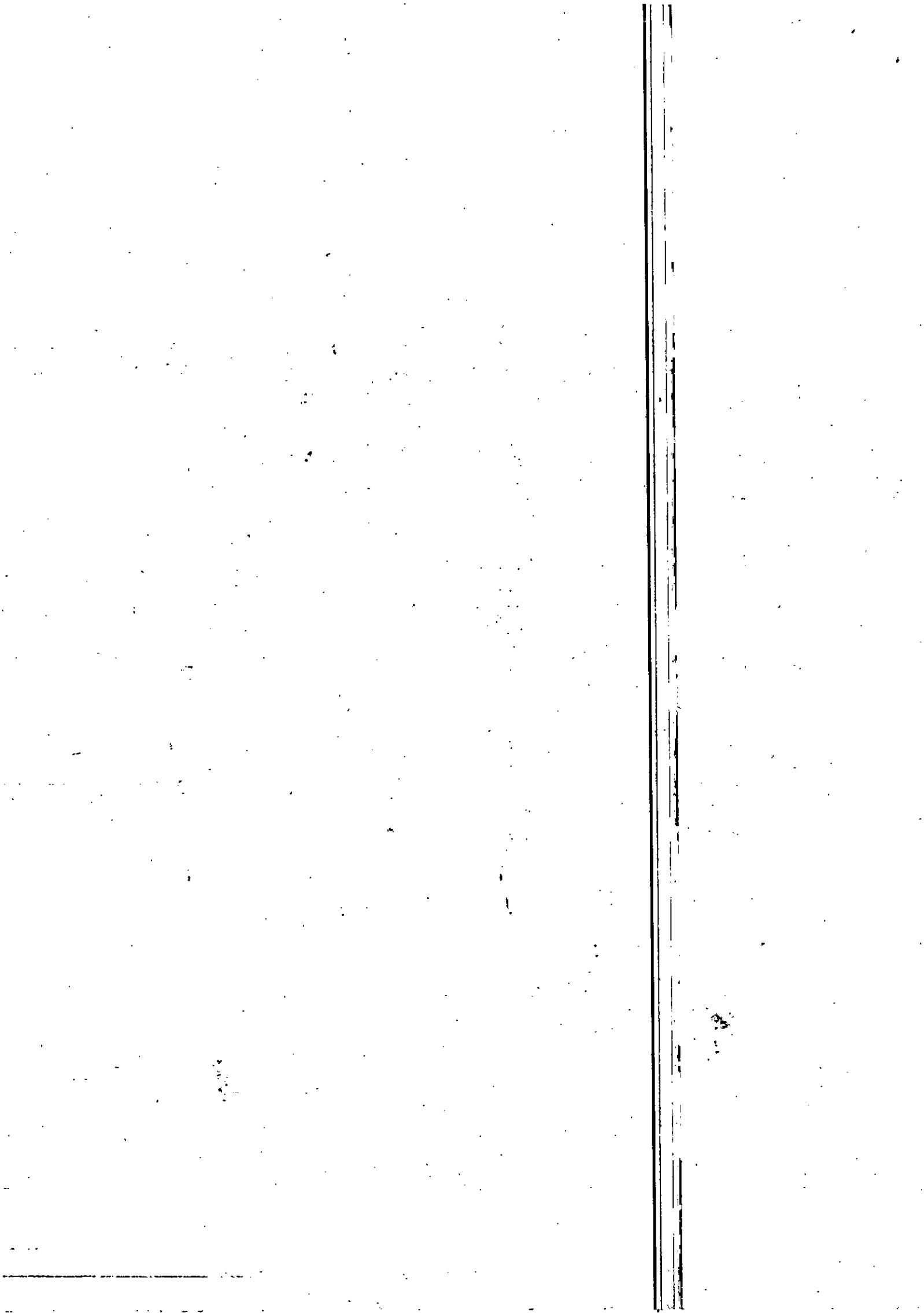
Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

....., ngày ... tháng ... năm ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số: 09a/BTP/PBGDPL

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG PHỔ BIẾN
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn....

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố (thuộc tỉnh)...

(Phòng Tư pháp)

Số tuyên truyền viên pháp luật cấp xã (người)				Kết quả hoạt động PBGDPL						
				Phổ biến PL trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)
Tổng số	Trong đó			Số cuộc (cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó: Số tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số	
	Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

- Các cột (1), (2), (3), (4) không báo cáo trong báo cáo 6 tháng

- Về số liệu ước tính

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

+ Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 5:.....; Cột 7:.....; Cột 9:.....; Cột 11:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày..... tháng..... năm.....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 09b/BTP/PBGDPL

Ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BTP
ngày 03/3/2016

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**SỐ TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT VÀ BÁO
CÁO VIÊN PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

(Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị xã/thành phố (thuộc tỉnh)

Đơn vị tính: người

	Số tuyên truyền viên pháp luật cấp xã				Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện			
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn huyện								
I. Tại cấp huyện	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Tại cấp xã								
Tên xã.....					-	-	-	-
Tên xã.....					-	-	-	-
Tên xã.....					-	-	-	-

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 5:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

....., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 09c/BTP/PBGDPL

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)
TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THUỘC TỈNH
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở, Ban, Ngành, đoàn thể cấp
tỉnh (Tổ chức pháp chế)

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp

Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh (người)				Kết quả hoạt động PBGDPL						
				Phổ biến PL trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
Tổng số	Trong đó			Số cuộc (cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó: Số tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số	
	Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

- Các cột (1), (2), (3), (4) không báo cáo trong báo cáo 6 tháng

- Về số liệu ước tính

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

+ Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 5:.....; Cột 7:.....; Cột 9:.....; Cột 11:

..., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 09d/BTP/PBGDPL

SỐ TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT VÀ BÁO CÁO VIÊN
PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Đơn vị tính: người

	Số tuyên truyền viên pháp luật cấp xã				Số báo cáo viên pháp luật cấp huyện				Số báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh			
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật		Số người dân tộc thiểu số	Số người có trình độ chuyên môn Luật	Số người được bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức pháp luật
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	
Tổng số trên địa bàn tỉnh												
I. Sở Tư pháp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II. Trên địa bàn huyện												
1. Tên huyện.....												
.....												
III. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1. Tên Sở.....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
.....	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm

Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 5:.....; Cột 9:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..... ngày..... tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 10a/BTP/PBGDPL

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ
BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo: Phòng Tư pháp
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân huyện/
quận/thị xã/ thành phố (thuộc
tỉnh)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thị tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn huyện								
I. Tại cấp huyện								
II. Tại cấp xã								-
1. Tên xã....								-
.....								-

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 3:.....; Cột 5:; Cột 7:; Cột 8:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 10b/BTP/PBGDPL

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHỔ
BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (PBGDPL)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

	Phổ biến pháp luật trực tiếp		Thi tìm hiểu PL		Số tài liệu PBGDPL được phát hành miễn phí (Bản)		Số lần phát sóng chương trình PBGDPL trên đài truyền thanh xã (lần)	Số lượng tin bài về pháp luật được đăng tải, phát trên phương tiện thông tin đại chúng (Tin, bài)
	Số cuộc (Cuộc)	Số lượt người tham dự (Lượt người)	Số cuộc thi (Cuộc)	Số lượt người dự thi (Lượt người)	Tổng số	Trong đó tiếng dân tộc thiểu số		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn tỉnh								
I. Sở Tư pháp								
II. Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh								
I. Tên Sở.....								
.....								
III. Trên địa bàn huyện								
I. Tên huyện.....								
.....								

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 3:.....; Cột 5:; Cột 7:; Cột 8:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức)

..., ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 11a/BTP/PBGDPL/HGCS

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ
(Năm)**

Đơn vị báo cáo:
Tổ hòa giải

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 04 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 01 năm sau

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị
trấn ...

Đơn vị tính: Người

Hòa giải viên (người)							
Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ
	Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 8:

..., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ TRƯỞNG TỔ HOÀ GIẢI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 11b/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: ngày 07 tháng 11 hàng năm.

BC năm chính thức: ngày 20 tháng 01 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn ...

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành
phố (thuộc tỉnh)
(Phòng Tư pháp)

Tên Tổ hòa giải	Hòa giải viên (người)							Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghệ thuật
	Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		
		Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số trên địa bàn xã								
Tổ hòa giải...								
Tổ hòa giải...								
.....								

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 8:.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 11c/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(Năm)**

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị xã/thành phố
(thuộc tỉnh)

	Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (người)							Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghịệp vụ
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		
			Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn huyện									
Tên xã.....									
Tên xã.....									
...									

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 2:.....; Cột 9:

..., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 11d/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 03 năm sau

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, CÁN BỘ CỦA
TỔ HOÀ GIẢI Ở CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Năm)**

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

	Số tổ hòa giải (Tổ)	Hòa giải viên (người)							Số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghịệp vụ
		Tổng số	Chia theo giới tính		Chia theo dân tộc		Chia theo trình độ chuyên môn		
			Nam	Nữ	Kinh	Khác	Chuyên môn Luật	Chưa qua đào tạo chuyên môn Luật	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số trên địa bàn tỉnh									
Tên huyện ...									
Tên huyện ...									
.....									

- Số liệu ước tính 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính. Cột 1: Cột 2: Cột 9:

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 12a/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 03 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 04 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 01 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(6 tháng, năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Tổ hòa giải

Đơn vị nhận báo cáo:

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị
trấn ...

Đơn vị tính: vụ việc

Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Kết quả hòa giải					
	Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành				Số vụ việc chưa giải quyết xong
		Tổng số	Chia ra			
			Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 2:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

TỔ TRƯỞNG TỔ HÒA GIẢI

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 12b/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TÓ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ
(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn
.....

Đơn vị nhận báo cáo:
Ủy ban nhân dân huyện/ quận/thị
xã/thành phố (thuộc tỉnh)
(Phòng Tư pháp)

Đơn vị tính: vụ việc

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Kết quả hòa giải					Số vụ việc chưa giải quyết xong
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành			Số vụ việc chưa giải quyết xong	
			Tổng số	Chia ra			
A	(1)	(2)	(3)	Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở	(7)
Tổng số trên địa bàn xã							
Tổ hòa giải...							
Tổ hòa giải...							

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 2:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 12c/BTP/PBGDPL/HGCS

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**
(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp ...
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp
Ủy ban nhân dân h
quận/thị xã/thành p
tỉnh)

Đơn vị

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Số vụ việc hòa giải thành	Kết quả hòa giải			
			Tổng số	Số vụ việc hòa giải không thành		
				Chia ra		
				Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số trên địa bàn huyện						
Tên xã.....						
Tên xã.....						
....						

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 2:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày..... tháng..... năm.....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 12d/BTP/PBGDPL/HGCS

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng, năm)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo
Bộ Tư pháp (Vụ
chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đo:

	Tổng số vụ việc tiếp nhận hòa giải (bao gồm số vụ chưa giải quyết xong kỳ trước chuyển sang)	Kết quả hòa giải				
		Số vụ việc hòa giải thành	Số vụ việc hòa giải không thành			
			Tổng số	Chia ra		
Mâu thuẫn giữa các bên	Tranh chấp phát sinh từ quan hệ dân sự, hôn nhân và gia đình	Vụ việc khác thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số trên địa bàn tỉnh						
Tên huyện						
Tên huyện						
.....						

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm

- Số liệu ước tính Cột 2:.....

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

.....ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ**

Đơn vị báo cáo:
UBND xã/phường/
thị trấn....

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo...

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:

UBND huyện/ quận/thị xã/thành
phố thuộc tỉnh

(Phòng Tư pháp)

ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)										ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)						ĐĂNG KÝ KẾT HÔN							
Đăng ký mới										Đăng ký mới						Đăng ký mới							
Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký						Đăng ký lại	Chia theo độ tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký			Đăng ký lại	Tổng số (Cặp)	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)		Đăng ký lại (Cặp)	
Dân tộc Kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn	Quá hạn				Dưới 1 tuổi		Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi	Từ 5 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số (Cặp)	Nam				Nữ	Nam		Nữ
					Tổng số	Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo	Dưới 5 tuổi																
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)		

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo ước tính 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 10:; Cột 11:

Cột 17.....; Cột 18:; Cột 22.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 13b/BTP/HTQTCT/HT

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**

Đơn vị báo cáo:

Phòng Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp.....

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo...

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

A. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI UBND CẤP HUYỆN

(Đơn vị tính: Trường hợp)

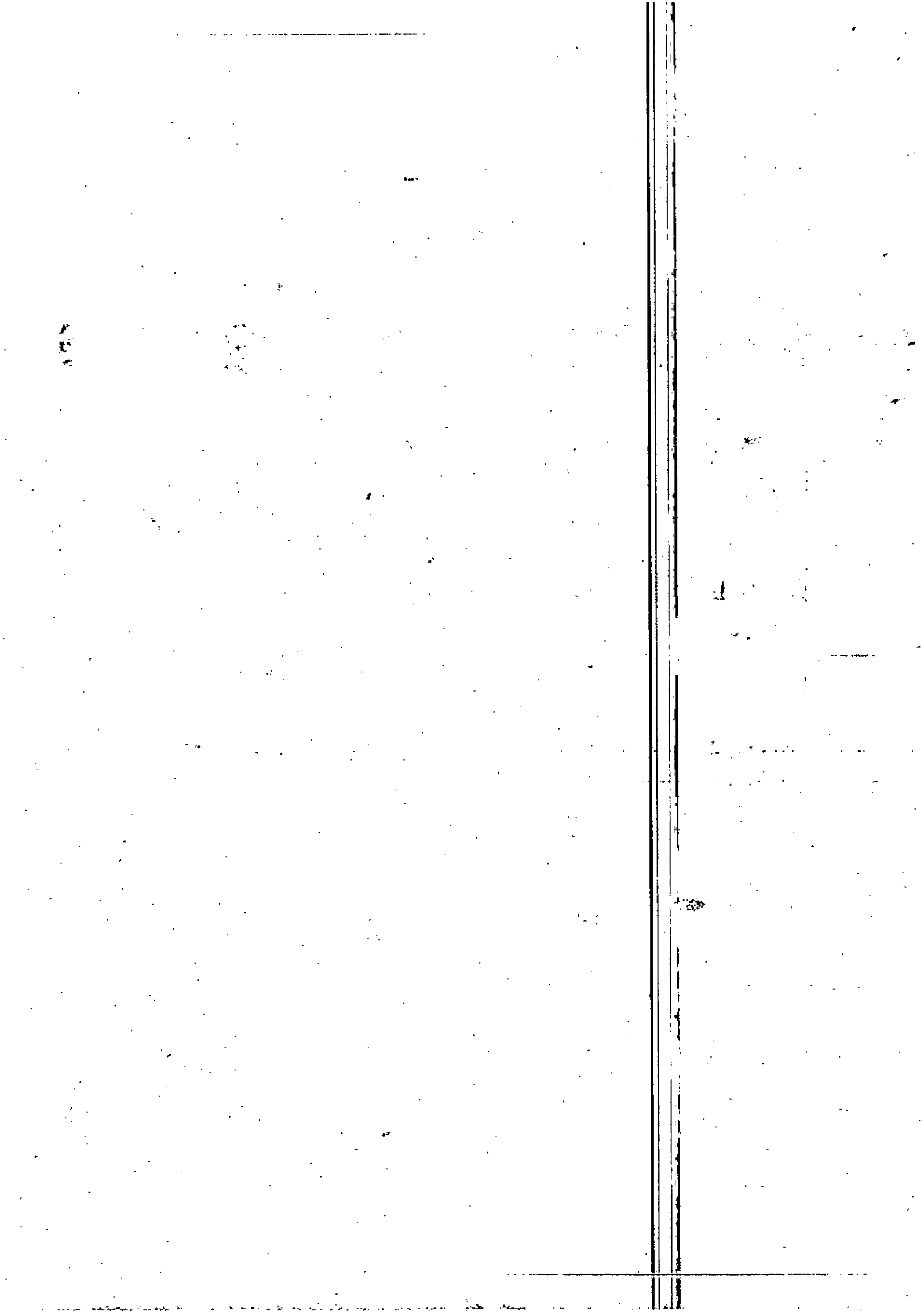
(A)		Tổng số (1)	Chia theo giới tính	
			Nam (2)	Nữ (3)
I Khai sinh (Chia theo quốc tịch của cha, mẹ)				
1	Con có cha và mẹ là người nước ngoài			
2	Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam			
II Khai tử				
1	Người nước ngoài			
2	Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài			

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Phần I (dòng Khai sinh) Cột 1:; Phần II (dòng Khai tử) cột 1:

III. KẾT HÔN

Tổng số	Số cuộc kết hôn chia theo đối tượng kết hôn (Cặp)				Số người kết hôn chia theo quốc gia/ vùng lãnh thổ của công dân nước ngoài mang quốc tịch/cư trú (người)							Số người kết hôn chi theo giới tính công dân Việt Nam cư trú trong nước (Người)		
	Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Tổng số	Mỹ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài Loan)	Hàn Quốc	Quốc gia/vùng lãnh thổ khác	Tổng số	Nam	N
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)



Biểu số 13c/BTP/HTQTCT/HT

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp.....

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo...

(Từ ngày.....tháng.....năm.....)

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

A. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN

Đơn vị tính: Trường hợp

	I. Khai sinh (Chia theo quốc tịch của cha, mẹ)							II. Khai tử						
	Tổng số	Con có cha và mẹ là người nước ngoài			Con có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam			Tổng số	Người nước ngoài			Công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài		
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
			Nam	Nữ		Nam	Nữ			Nam	Nữ		Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng số trên địa bàn tỉnh														
1. Tên huyện...														
2. Tên huyện...														
3. Tên huyện...														
...														

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1:; Cột 8:

III. KẾT HÔN

	Số cuộc kết hôn chia theo đối tượng kết hôn (Cặp)					Số người kết hôn chia theo quốc gia/ vùng lãnh thổ của công dân nước ngoài mang quốc tịch/cư trú (người)							Số người kết hôn chia theo giới tính công dân Việt Nam cư trú trong nước (Người)		
	Tổng số	Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với người nước ngoài	Công dân VN cư trú ở trong nước với công dân VN định cư ở nước ngoài	Công dân VN định cư ở nước ngoài với nhau	Người nước ngoài với người nước ngoài	Tổng số	Mỹ	Canada	Trung Quốc (Đại lục)	Trung Quốc (Đài Loan)	Hàn Quốc	Quốc gia/ vùng lãnh thổ khác	Tổng số	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số trên địa bàn tỉnh															
1. Tên huyện...															
2. Tên huyện...															
3. Tên huyện...															
...															

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1:

B. KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ KHAI SINH, KHAI TỬ, KẾT HÔN TRONG NƯỚC TẠI UBND CẤP XÃ

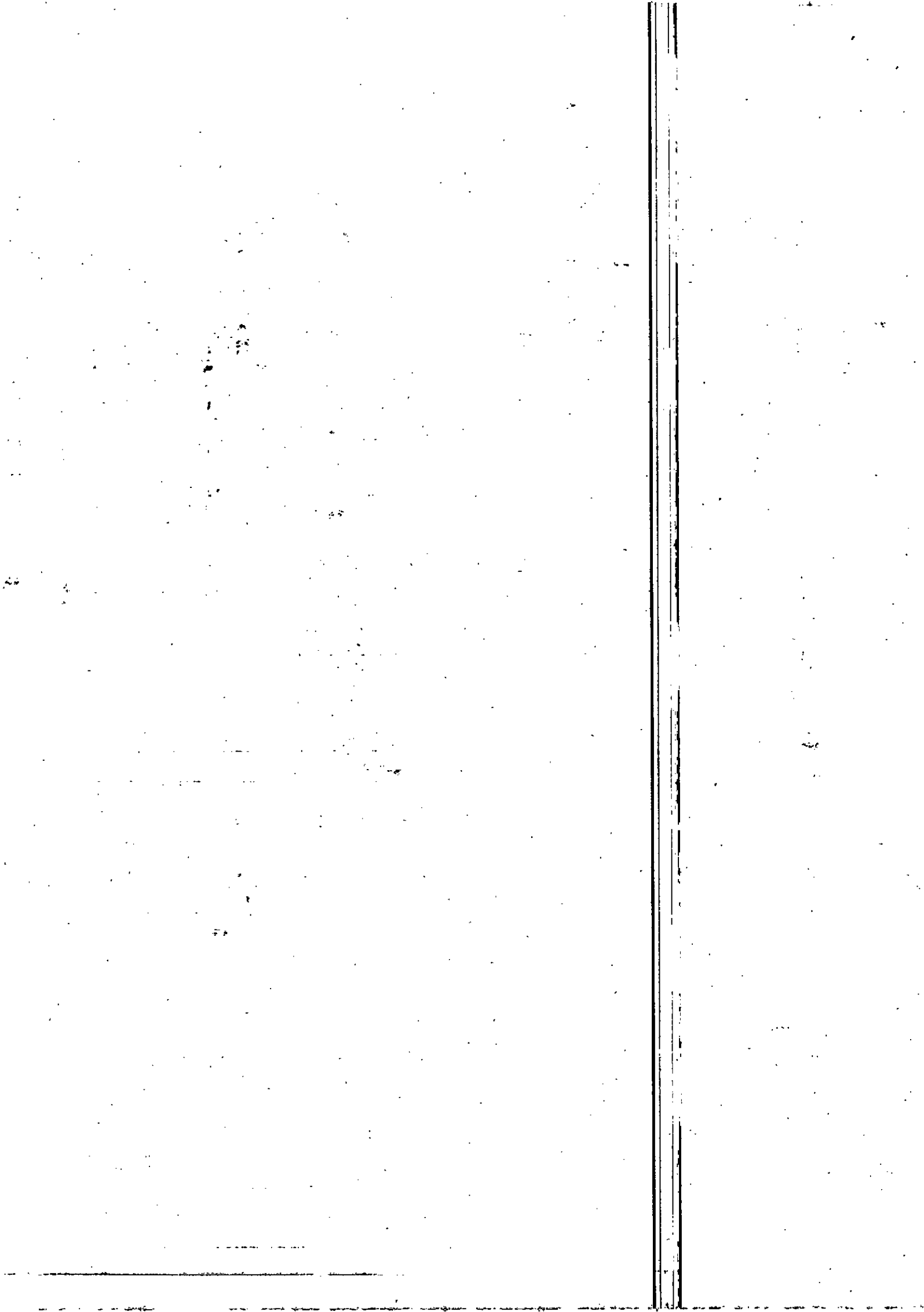
ĐĂNG KÝ KHAI SINH (Trường hợp)											ĐĂNG KÝ KHAI TỬ (Trường hợp)						ĐĂNG KÝ KẾT HÔN					
Đăng ký mới											Đăng ký mới						Đăng ký mới					
Tổng số	Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký				Đăng ký lại	Tổng số	Chia theo độ tuổi			Chia theo thời điểm đăng ký			Tổng số (Cặp)	Trong đó: Kết hôn lần đầu (Cặp)	Tuổi kết hôn trung bình lần đầu (Tuổi)		Đăng ký lại (Cặp)	
	Dân tộc Kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn	Quá hạn					Dưới 1 tuổi	Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi	Từ 5 tuổi trở lên	Đúng hạn	Quá hạn	Nam			Nữ			
						Tổng số	Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo	Dưới 5 tuổi														
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
Tổng số trên địa bàn tỉnh																						
1. Tên huyện...																						
2. Tên huyện...																						
3. Tên huyện...																						

Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
 Số liệu ước tính dòng Tổng số Cột 1:; Cột 10:; Cột 11:

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
 (Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số: 14a/BTP/HTQTCT/HT/HTK

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ CÁC VIỆC
HỘ TỊCH KHÁC TẠI ỦY BAN
NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ
(Năm)**

(Từ ngày 01 tháng 01 năm.....
đến ngày 31 tháng 12 năm))

Đơn vị báo cáo:

UBND xã/phường/
/thị trấn

Đơn vị nhận báo cáo:

UBND cấp huyện

(Phòng Tư pháp) ...

Đơn vị tính: Trường hợp

SỰ KIỆN HỘ TỊCH

Tổng số

SỰ KIỆN HỘ TỊCH		Tổng số	
A		(1)	
I. Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch			
1. Thay đổi hộ tịch			
2. Cải chính hộ tịch			
3. Bổ sung thông tin hộ tịch			
II. Nhận cha, mẹ, con			
III. Đăng ký giám hộ			
IV. Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác			
1. Thay đổi quốc tịch			
2. Nuôi con nuôi			
3. Ly hôn/Hủy việc kết hôn			
4. Các thay đổi hộ tịch khác			
V. Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		Nam	Nữ
1. Để kết hôn			
2. Để sử dụng vào mục đích khác			

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN**
(Năm)

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo cáo:
- Sở Tư pháp.....
- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện/
quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
Đơn vị tính: Trường hợp

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

(Từ ngày 01 tháng 01 năm.....
đến ngày 31 tháng 12 năm.....)

I. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN

Đăng ký giám hộ	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch	Xác định lại dân tộc	Ghi vào sổ việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				
						Khai sinh	Nuôi con nuôi	Kết hôn	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

II. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch			Nhận cha, mẹ, con	Đăng ký giám hộ	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác				Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			
	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch			Thay đổi quốc tịch	Nuôi con nuôi	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác	Để kết hôn		Để sử dụng vào mục đích khác	
										Nam	Nữ	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng số trên địa bàn huyện													
1. Tên xã...													
2. Tên xã...													
3. Tên xã...													

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**
(Năm)

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp.....

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(Từ ngày 01 tháng 01 năm.....

đến ngày 31 tháng 12 năm

I. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đơn vị tính: 1 trong hợp

	Đăng ký giám hộ	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch	Xác định lại dân tộc	Ghi vào số việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài				
							Khai sinh	Nuôi con nuôi	Kết hôn	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số trên địa bàn tỉnh											
1. Tên huyện...											
...											

II. CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch			Nhận cha, mẹ, con	Đăng ký giám hộ	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác				Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân			
	Thay đổi hộ tịch	Cải chính hộ tịch	Bổ sung thông tin hộ tịch			Thay đổi quốc tịch	Nuôi con nuôi	Ly hôn/Hủy việc kết hôn	Các thay đổi hộ tịch khác	Để kết hôn		Để sử dụng vào mục đích khác	
										Nam	Nữ	Nam	Nữ
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1. Tên huyện...													
...													

..., ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC

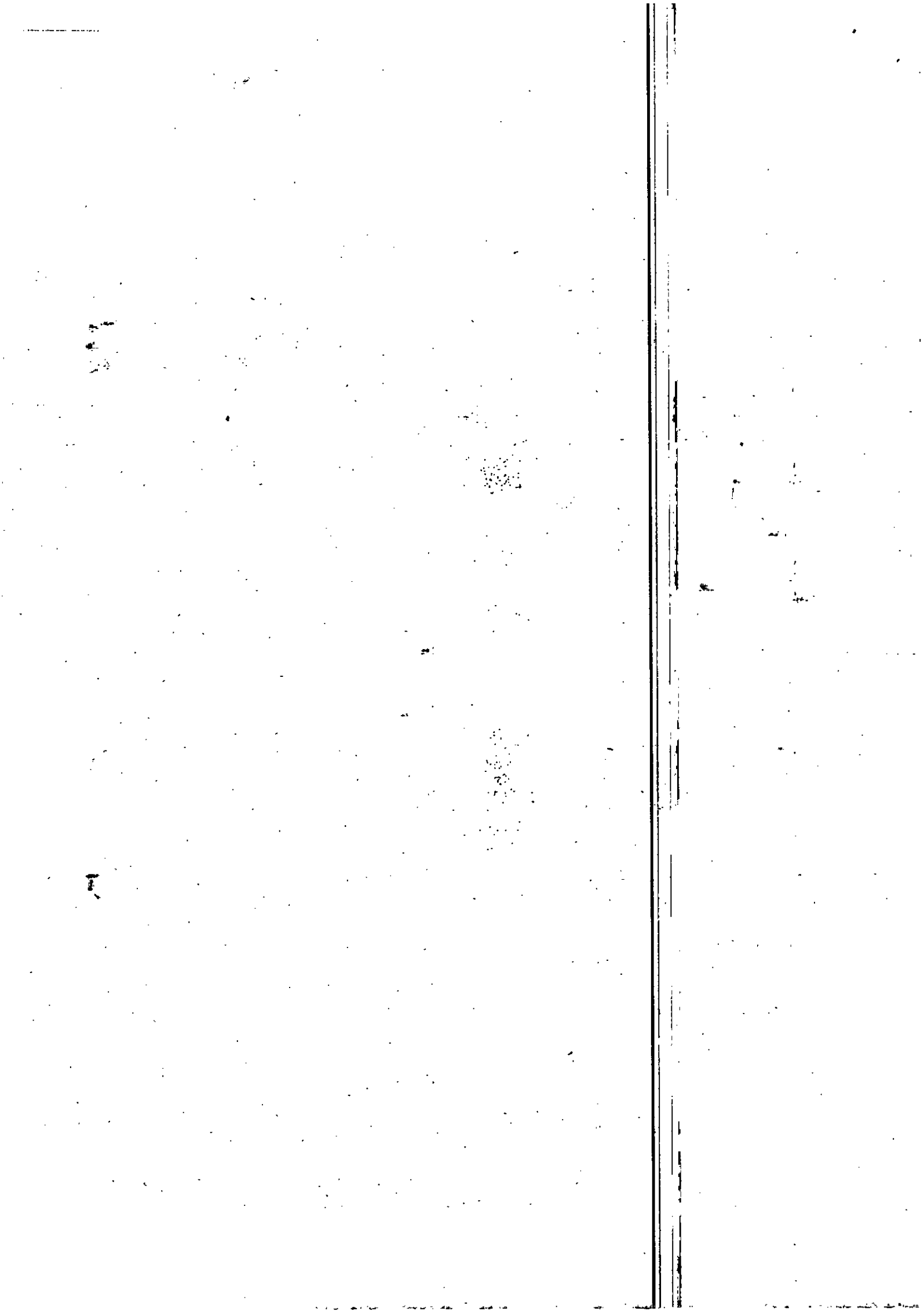
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Biểu số: 17a/BTP/HTQTCT/CT

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

**KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI
ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ**

(6 tháng/năm)

(Từ ngày tháng năm
đến ngày tháng năm)

Đơn vị báo cáo: UBND xã/
phường/thị trấn

Đơn vị nhận báo cáo: UBND
huyện, quận, thị xã/thành phố (thuộc
tỉnh)

(Phòng Tư pháp)

	Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực					
			Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
	Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Thực hiện								
Ước tính								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 17b/BTP/HTQTCT/CT

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 16 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

**KẾT QUẢ CHỨNG THỰC
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày tháng năm
đến ngày tháng năm)

Đơn vị báo cáo:

- Phòng Tư pháp.....

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp...

- Ủy ban nhân dân (UBND) huyện/
quận/ thị xã/ thành phố (thuộc tỉnh)...

I. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI PHÒNG TƯ PHÁP

	Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực							
			Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực chữ ký người dịch		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
	Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Thực hiện										
Ước tính										

II. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

	A	B	Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực					
					Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực hợp đồng, giao dịch	
			Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)
			(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng số	Thực hiện									
	Ước tính									
UBND xã...	Thực hiện									
	Ước tính									

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 17c/BTP/HTQTCT/CT

**KẾT QUẢ CHỨNG THỰC CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND)
CẤP XÃ VÀ PHÒNG TƯ PHÁP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp.....
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

I. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC PHÒNG TƯ PHÁP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực								
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực chữ ký người dịch		Chứng thực hợp đồng, giao dịch		
				Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
Tổng số	Thực hiện											
	Ước tính											
Phòng Tư pháp...	Thực hiện											
	Ước tính											

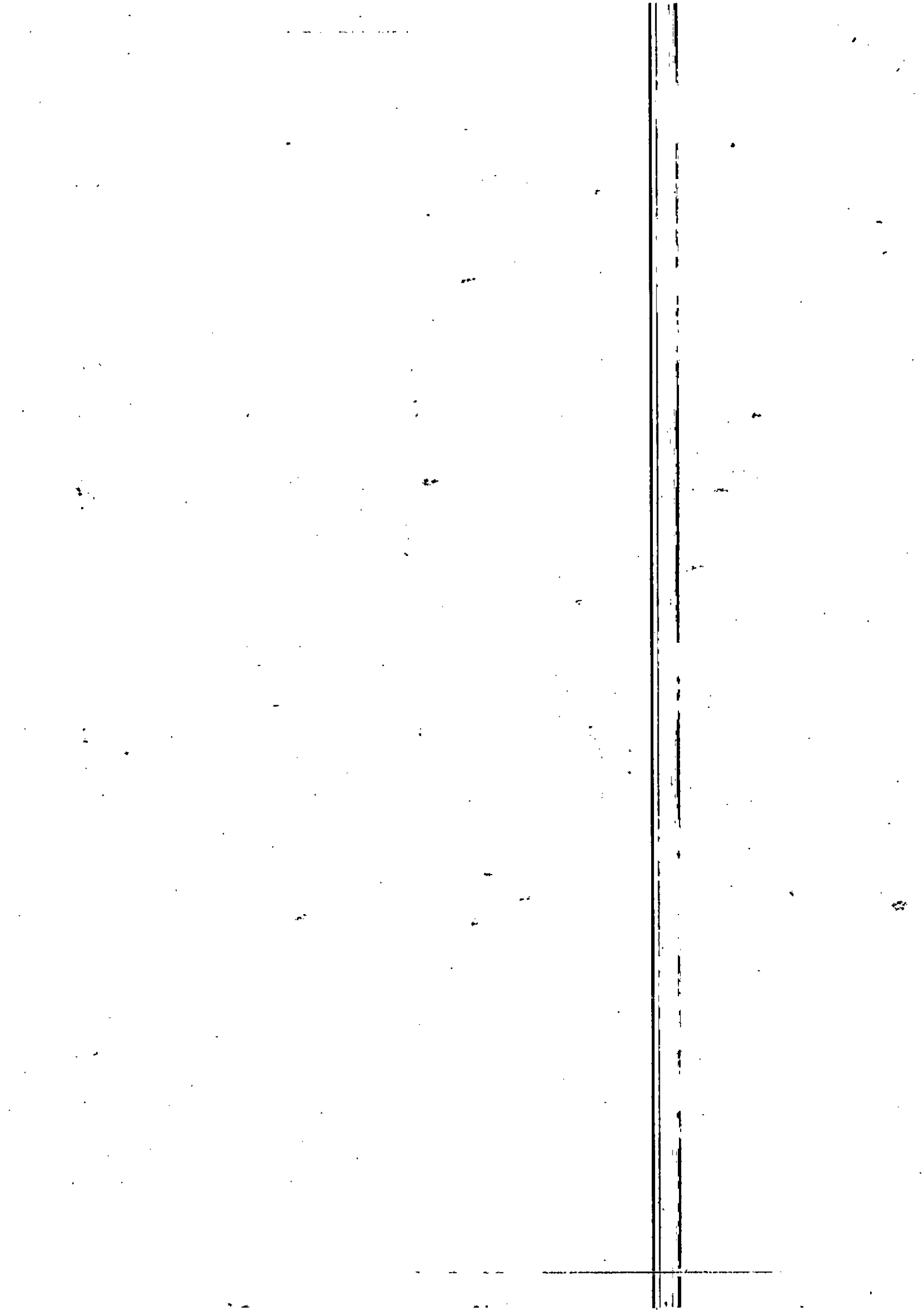
II. KẾT QUẢ CHỨNG THỰC TẠI CÁC UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

		Chứng thực bản sao		Số việc chứng thực								
				Tổng số		Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản		Chứng thực hợp đồng, giao dịch				
				Số bản (Bản)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	Số việc (Việc)	Số lệ phí (Đồng)	
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)			
Tổng số	Thực hiện											
	Ước tính											
Huyện...	Thực hiện											
	Ước tính											

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngày... tháng... năm...
GIÁM ĐỐC
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Biểu số 19/BTP/LLTP

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐÃ CẤP
(6 tháng/năm)

Đơn vị báo cáo:

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Sở Tư pháp....../Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Đơn vị tính: Phiếu

SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 1 ĐÃ CẤP									SỐ PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP SỐ 2 ĐÃ CẤP							
Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về án tích		Trong đó: Xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX			Tổng số	Chia theo đối tượng yêu cầu cấp			Chia theo nội dung xác nhận về tình trạng án tích		Chia theo nội dung xác nhận thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	
	Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội	Không có án tích	Có án tích	Tổng số	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX		Công dân Việt Nam	Người nước ngoài	Cơ quan tiến hành tố tụng	Không bị kết án	Bị kết án	Không bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX	Bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 10:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 20a/BTP/LLTP

**SỐ LƯỢNG THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP
NHẬN ĐƯỢC VÀ XỬ LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(6 tháng/năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch -
Tài chính)

Đơn vị tính: Thông tin

Số lượng thông tin lý lịch tư pháp (LLTP) nhận được								Số lượng thông tin LLTP chia theo khâu xử lý							
Tổng số	Chia theo cơ quan cung cấp							Tiếp nhận, kiểm tra, phân loại				Lập LLTP, cập nhật bổ sung			
	Tòa án các cấp		Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh	Cơ quan Công an cấp huyện	Cơ quan Thi hành án dân sự	Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	Tòa án quân sự Trung ương và các cơ quan khác	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
	Thông tin về án tích	Thông tin về cầm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý DN, HTX							Đã tiếp nhận, kiểm tra, phân loại	Chưa kiểm tra, phân loại	Tổng số		Đã lập LLTP, cập nhật bổ sung	Chưa lập LLTP, cập nhật bổ sung	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)			(11)	(12)	(13)	(14)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 9:; Cột 10:; Cột 13:; Cột 14:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 21/BTP/LLTP

SỐ NGƯỜI CÓ LÝ LỊCH TƯ PHÁP
(6 tháng/ năm)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp.../Trung tâm
Lý lịch tư pháp quốc gia
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp
(Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm
- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị tính: Người

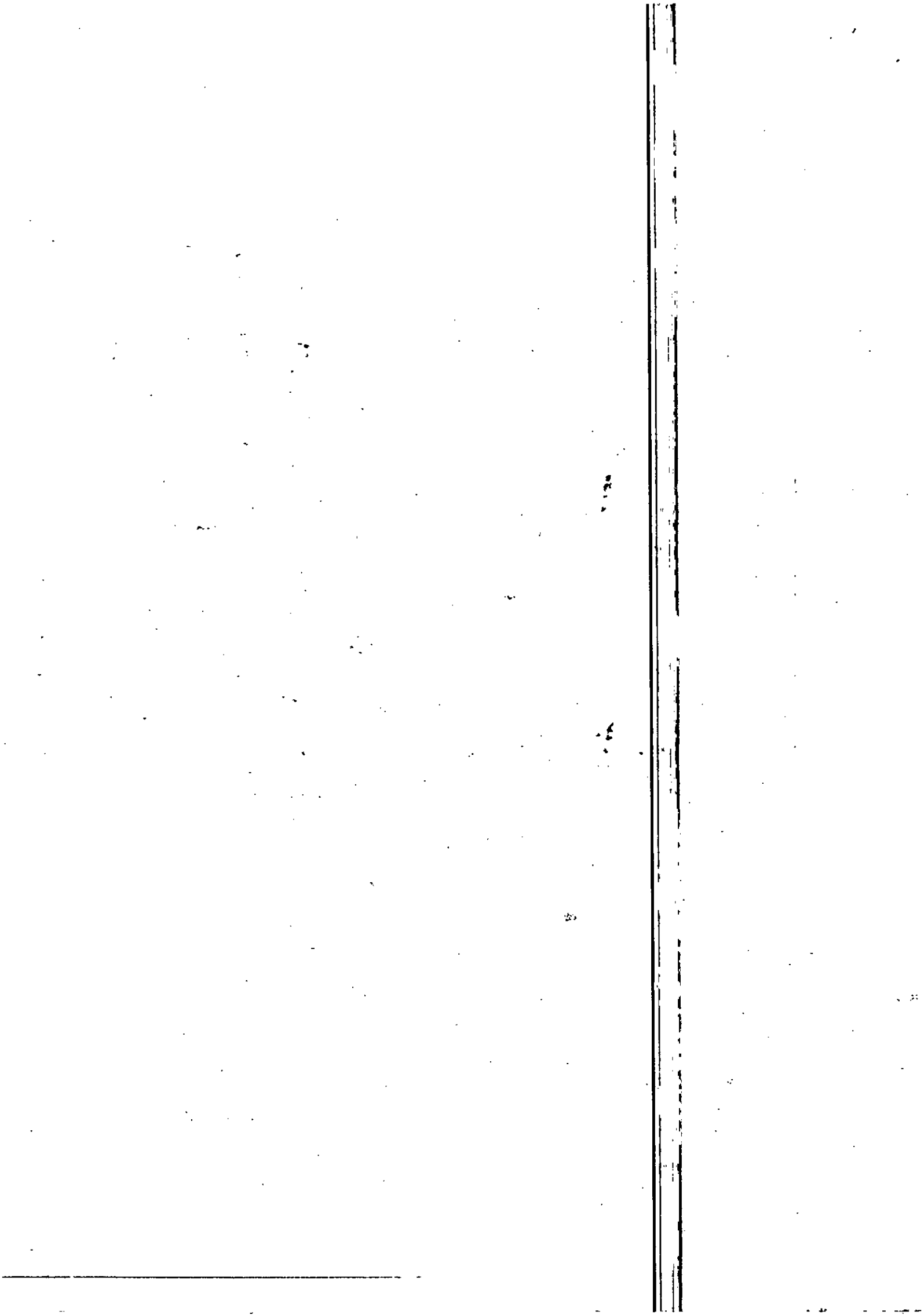
Số công dân Việt Nam có Lý lịch tư pháp (LLTP)				Số người nước ngoài có LLTP			
Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		
	Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính		Nam	Nữ	Không có thông tin về giới tính
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;
- Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 5:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số: 22a/BTP/CN/TN

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ
NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ
(6 tháng/năm)**

Kỳ báo cáo:
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

UBND xã/phường/thị trấn...

Đơn vị nhận báo cáo:

UBND huyện/quận/thị xã/thành
phố thuộc tỉnh... (Phòng Tư pháp)

Đơn vị tính: Người

Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo tình trạng sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi		Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi		
	Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Bình thường	Trẻ em có nhu cầu đặc biệt	Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính cột 1:

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày ... tháng ... năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 22b/BTP/CN/TN

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC TẠI
ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN
(6 tháng/năm)**

Đơn vị báo cáo:
Phòng Tư pháp...

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

Kỳ báo cáo:
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- UBND huyện/ quận/thị xã/thành phố (thuộc tỉnh)

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo tình trạng sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi		Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi		
		Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Bình thường	Trẻ em có nhu cầu đặc biệt	Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số trên địa bàn huyện												
Tên xã....												
Tên xã....												
....												

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính cột 1:.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 22c/BTP/CN/TN

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ A12NUÔI CON NUÔI TRONG NƯỚC
TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(6 tháng/năm)**

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp....

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 20 tháng 01 năm sau

Kỳ báo cáo:
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài
chính)

Đơn vị tính: Người

	Tổng số	Chia theo độ tuổi của trẻ em được nhận làm con nuôi						Chia theo tình trạng sức khỏe của trẻ em được nhận làm con nuôi		Chia theo nơi cư trú của trẻ em trước khi được nhận làm con nuôi		
		Dưới 01 tuổi		Từ 01 đến dưới 5 tuổi		Từ 5 tuổi trở lên		Bình thường	Trẻ em có nhu cầu đặc biệt	Cơ sở nuôi dưỡng	Gia đình	Nơi khác
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ					
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số trên địa bàn tỉnh												
Tên huyện....												
Tên huyện....												
....												

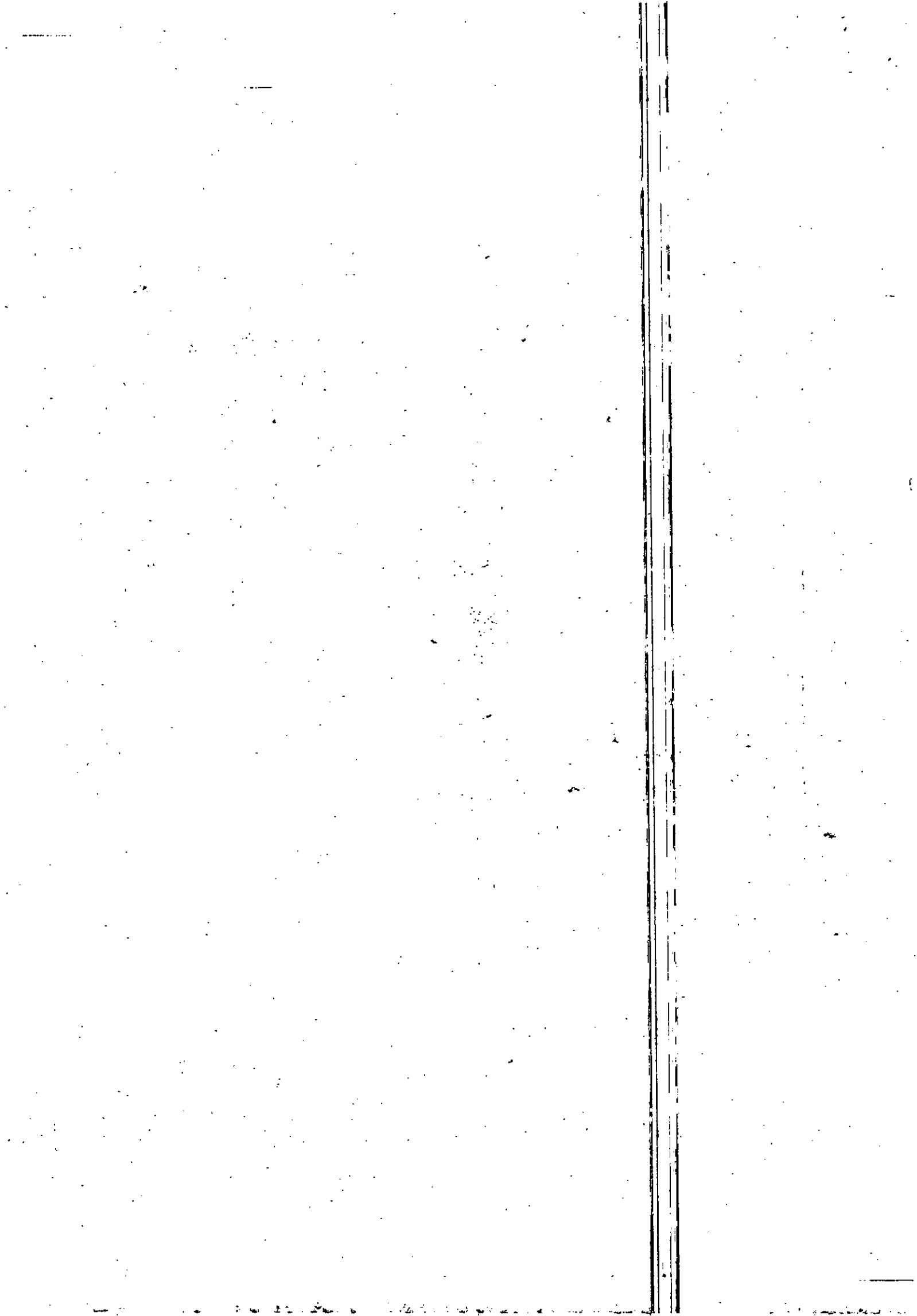
- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính cột I:.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký và ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày ... tháng ... năm ...
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số 23b/BTP/ĐKQGGDBĐ

Ngày nhận báo cáo (BC):

*Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm

sau

*Bộ Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm

sau

**KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ, CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ
GIAO DỊCH BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG
ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày... tháng... năm...

đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

(1) Văn phòng đăng ký đất đai
hoặc Văn phòng đăng ký quyền sử
dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh trong
trường hợp chưa thành lập văn
phòng đăng ký đất đai.

(2) Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch-Tài
chính, Cục đăng ký quốc gia giao
dịch bảo đảm): nhận báo cáo của
các đơn vị số (2)

	Đăng ký giao dịch bảo đảm (Đơn)					Cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (Đơn)	Trường hợp không phải nộp lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm (Trường hợp)
	Tổng số	Chia ra					
		Đăng ký giao dịch bảo đảm	Đăng ký thay đổi	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm (nếu có)	Xóa đăng ký		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Số thụ lý							
Số được giải quyết							

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

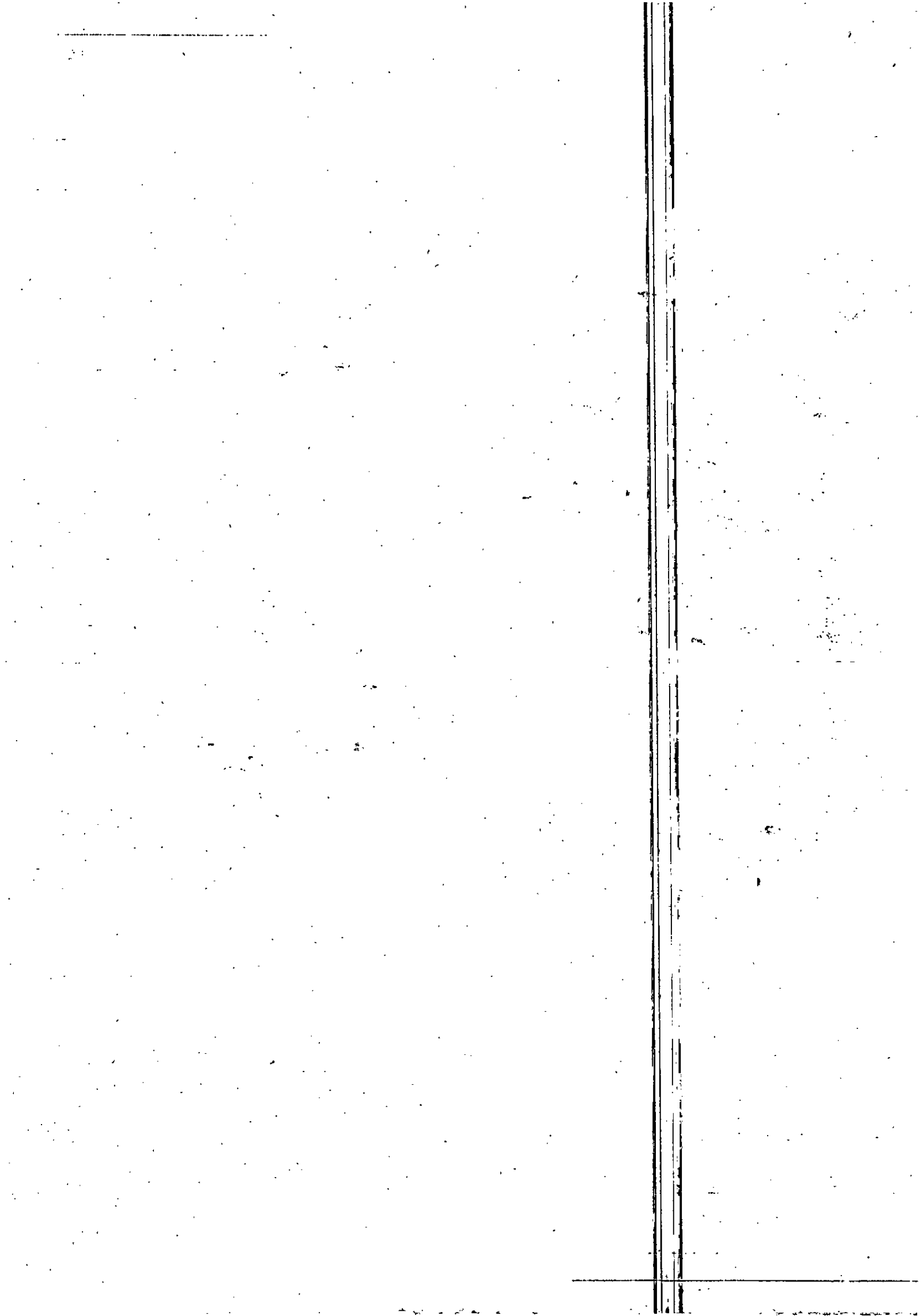
- Số liệu ước tính về Số thụ lý: Cột 1:; Cột 6:

Số được giải quyết: Cột 1:; Cột 6:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)



Biểu số: 24/BTP/TGPL

SỐ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(6 tháng/năm)

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 06 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận:

- BC 6 tháng: Ngày 25 tháng 6 hàng năm

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố.../Tổ chức đăng ký tham gia TGPL...

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp nhận báo cáo của Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố, Tổ chức đăng ký tham gia TGPL.

- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp

Đơn vị tính: Lượt người

Phân theo lĩnh vực pháp luật	Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý									
	Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
		Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục												
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng số															
1 Pháp luật hình sự															
1.1 Tư vấn															
1.2 Tham gia tố tụng															
1.3 Đại diện ngoài tố tụng															
1.4 Hình thức khác															
2 Pháp luật dân sự, hôn nhân gia đình															
2.1 Tư vấn															
2.2 Tham gia tố tụng															
2.3 Đại diện ngoài tố tụng															
2.4 Hình thức khác															
3 Pháp luật hành chính															
3.1 Tư vấn															
3.2 Tham gia tố tụng															
3.3 Đại diện ngoài tố tụng															

Phân theo lĩnh vực pháp luật	Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý			Chia theo giới tính		Chia theo đối tượng được trợ giúp pháp lý									
	Tổng số	Trong đó chia theo đối tượng đặc thù		Nữ	Nam	Người nghèo	Người dân tộc thiểu số	Người vừa là người nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Người có công với cách mạng	Người già cô đơn không nơi nương tựa	Người khuyết tật	Trẻ em không nơi nương tựa	Nạn nhân theo quy định của PL phòng, chống mua bán người	Người bị nhiễm HIV	Khác
		Nạn nhân của bạo lực gia đình	Nạn nhân bị xâm hại tình dục												
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
3.4	Hình thức khác														
4	Các lĩnh vực pháp luật khác														
4.1	Tư vấn														
4.2	Tham gia tố tụng														
4.3	Đại diện ngoài tố tụng														
4.4	Hình thức khác														

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Phân theo lĩnh vực trợ giúp pháp lý		Tổng số vụ việc tiếp nhận			Kết quả Trợ giúp pháp lý						
		Tổng số	Chia ra		Tổng số	Đã hoàn thành				Chuyển đi nơi khác	Chuyển sang kỳ sau
			Kỳ trước chuyển qua	Phát sinh trong kỳ		Phân theo người thực hiện					
						Trợ giúp viên pháp lý	Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên khác		
A		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.2	Tham gia tổ tụng										
2.3	Đại diện ngoài tổ tụng										
2.4	Hình thức khác										
3	Pháp luật hành chính										
3.1	Tư vấn										
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở										
3.2	Tham gia tổ tụng										
3.3	Đại diện ngoài tổ tụng										
3.4	Hình thức khác										
4	Các lĩnh vực pháp luật khác										
4.1	Tư vấn										
-	Trong đó tư vấn tại trụ sở										
4.2	Tham gia tổ tụng										
4.3	Đại diện ngoài tổ tụng										
4.4	Hình thức khác										

- Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

**SỐ TỔ CHỨC VÀ SỐ NGƯỜI THỰC HIỆN
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ (TGPL)
(năm)**

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

- BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận:

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

- Trung tâm TGPL nhà nước tỉnh/thành phố...

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp

- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

I. SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM TGPL

Đơn vị tính: Người

A	Tổng số lao động hợp đồng	Tổng số biên chế được giao	Biên chế thực hiện tại Trung tâm								Biên chế thực hiện tại chi nhánh						Số người lãnh đạo			
			Tổng số	Trợ giúp viên pháp lý (TGVPL)		Chuyên viên pháp lý		Kế toán	Thủ quỹ	Khác	Tổng số	TGVPL		Chuyên viên pháp lý		Khác	Giám đốc		Trưởng chi nhánh	
				TGVPL	TGVPL chính	Đã qua đào tạo nghề luật sư	Chưa qua lớp đào tạo luật sư					TGVPL	TGVPL chính	Đã qua đào tạo nghề luật sư	Chưa qua lớp đào tạo luật sư		Chuyên n trách	Kiêm nhiệm	Chuyên trách	Kiêm nhiệm
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
Tổng số																				
1. Nam																				
2. Nữ																				

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 3:.....; Cột 4:.....; Cột 11:.....; Cột 12:.....

II. SỐ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAM GIA TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Đơn vị tính: Người

Số tổ chức đăng ký tham gia TGPL			Cá nhân đăng ký tham gia TGPL			
Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
	Tổ chức hành nghề luật sư	Trung tâm tư vấn pháp luật		Luật sư	Tư vấn viên PL	Cộng tác viên TGPL khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

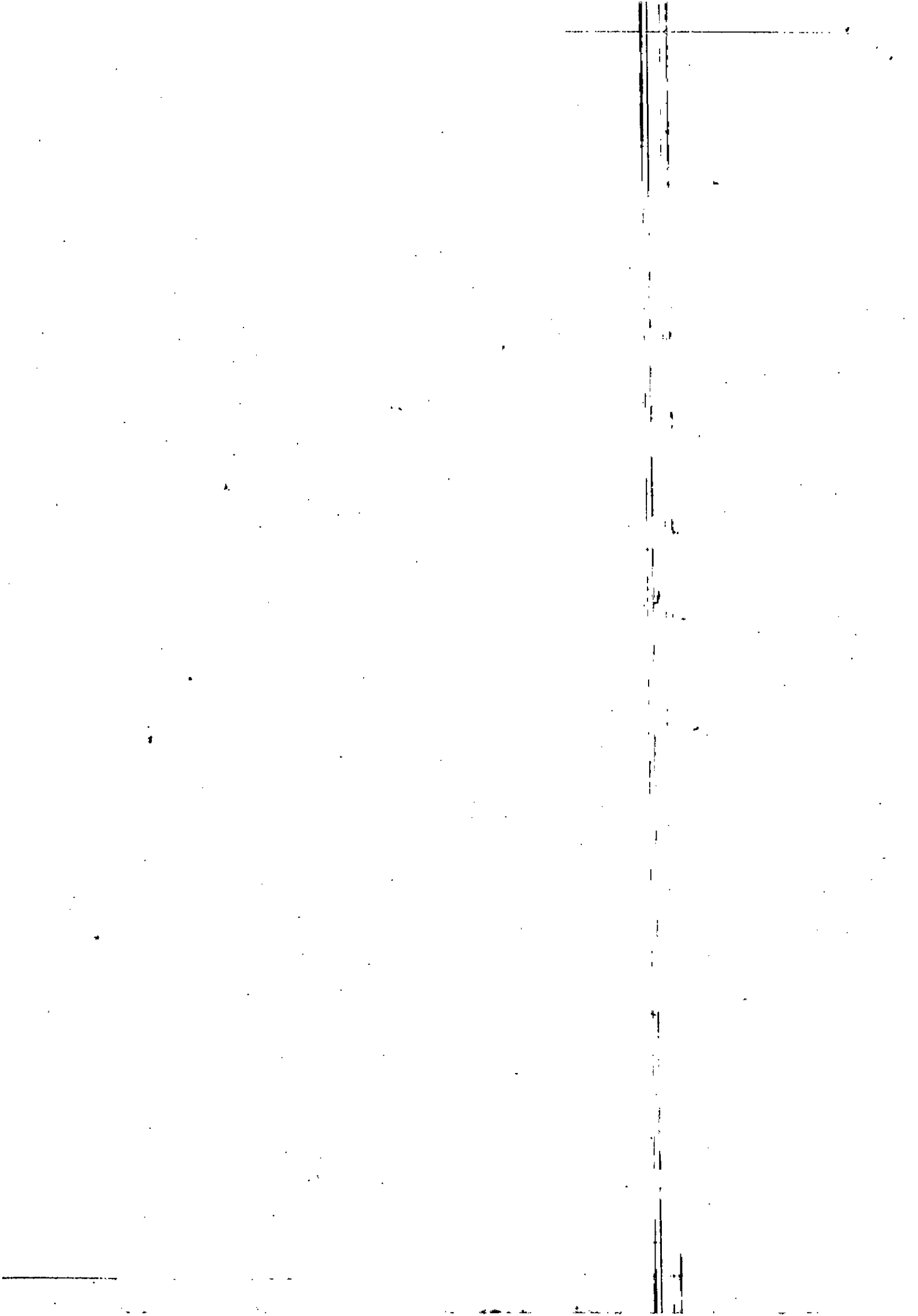
- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 1:.....; Cột 4:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Biểu số: 27b/BTP/BTTP/GĐTP

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

SỐ VỤ VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TẠI CÁC TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC TẠI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH (Năm)

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

Đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp:.....

Tổng số	Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp (Vụ việc)													
	Chia ra													
	Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng							Theo yêu cầu của người yêu cầu giám định						
	Tổng số	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác	Tổng số	Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

Số liệu ước tính Cột 2:.....; Cột 9:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày.....tháng.....năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 27c/BTP/BTTP/GĐTP

SỐ VỤ VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Năm)

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp:
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

		Số vụ việc đã thực hiện giám định tư pháp (Vụ việc)																						
		Chia ra																						
		Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng									Theo yêu cầu của người yêu cầu giám định									Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân khác				
		Tổng số	Chia theo lĩnh vực								Tổng số	Chia theo lĩnh vực								Tổng số	Chia theo lĩnh vực			
Pháp y	Kỹ thuật hình sự		Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác	Pháp y	Kỹ thuật hình sự		Văn hóa	Tài chính	Ngân hàng	Xây dựng	Thông tin truyền thông	Khác	Pháp y	Kỹ thuật hình sự		Thông tin truyền thông	Khác		
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)
Tổng số																								
I. Tổ chức giám định tư pháp công lập																								
- Trung tâm pháp y																								
- Phòng kỹ thuật hình sự																								
Tổ chức khác																								
II. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc																								

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 2:.....; Cột 11:.....; Cột 20:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày.....tháng.....năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 28b/BTP/BTTP/ĐGTS

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC Đơn vị báo cáo:

BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN CHUYÊN NGHIỆP

(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....

đến ngày.....tháng.....năm.....)

Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản/Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản....

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp.....

Ngày nhận báo cáo (BC):

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Tổng số đấu giá viên (Người)	Số hợp đồng đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc bán đấu giá đã thực hiện (Cuộc)		Giá của tài sản bán đấu giá (Đồng)		Tổng số phí tham gia đấu giá (Đồng)	Tổng số phí đấu giá thu được (Đồng)	Tiền đặt trước của người tham gia đấu giá trong trường hợp không được trả lại theo quy định pháp luật (nếu có) (Đồng)	Tổng số tiền nộp ngân sách theo quy định (Đồng)
		Tổng số	Trong đó số cuộc bán đấu giá thành	Giá khởi điểm	Giá bán				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

- Cột (1) không phải báo cáo trong kỳ báo cáo 6 tháng;

- Về số liệu ước tính:

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Số liệu ước tính Cột 3:; Cột 4:; Cột 7:; Cột 8:; Cột 10:

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng..... năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số: 28c/BTP/BTTP/ĐGTS

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BÁN ĐẤU
GIÁ TÀI SẢN (ĐGTS) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Đơn vị báo cáo:
Sở Tư pháp.....

Ngày nhận báo cáo (BC):
BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm
BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm
BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(6 tháng, năm)
Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính)

	Số tổ chức bán đấu giá tài sản (Tổ chức)			Tổng số đấu giá viên (Người)	Tổng số hợp đồng đã ký (Hợp đồng)	Số cuộc bán đấu giá đã thực hiện (Cuộc)		Giá của tài sản bán đấu giá (Đồng)		Tổng số phí tham gia đấu giá (Đồng)	Tổng số phí đấu giá thu được (Đồng)	Tiền đặt trước trong trường hợp không được trả lại theo quy định pháp luật (nếu có) (Đồng)	Tổng số tiền nộp ngân sách theo quy định (Đồng)
	Tổng số	Chia ra				Tổng số	Số cuộc bán đấu giá thành	Giá khởi điểm	Giá bán				
		Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp	Hội đồng ĐGTS										
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
Tổng số													
1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản (ĐGTS)			-										
2. Doanh nghiệp ĐGTS			-										
3. Hội đồng ĐGTS trong trường hợp đặc biệt do cấp huyện thành lập			-										
4. Hội đồng ĐGTS trong trường hợp đặc biệt do cấp tỉnh thành lập			-										

- Các cột từ (1) đến (4) không phải báo cáo trong kỳ báo cáo 6 tháng;

- Về số liệu ước tính:

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Số liệu ước tính Cột 6:.....; Cột 7:.....; Cột 10:.....; Cột 11:.....; Cột 13:.....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

..., ngày tháng..... năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số: 30/BTP/BTTP/LSTN

**TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
LUẬT SƯ
(6 tháng, năm)**

Đơn vị báo cáo:

- Văn phòng Luật sư
- Công ty Luật
- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp: nhận báo cáo của Văn phòng Luật sư, Công ty luật
- Bộ Tư pháp (Vụ Kế hoạch - Tài chính) nhận báo cáo của Sở Tư pháp

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

	Số tổ chức hành nghề luật sư (tổ chức)	Số luật sư hành nghề tại địa phương (người)	Số việc thực hiện xong (việc)					Doanh thu (đồng)	
			Tổng số	Chia ra			Tổng số	Nộp thuế	
				Số việc tổ tụng		Trợ giúp pháp lý			
				Tổng số	Trong đó: số việc về hình sự				Số việc tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý khác
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng số									
Văn phòng Luật sư									
Công ty luật									

- Văn phòng Luật sư, công ty luật báo cáo từ cột (2) đến cột (9) của biểu này; Sở Tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này.

- Về số liệu ước tính

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Công ty luật/Văn phòng Luật sư ước tính các cột 3, 8 và 9; Sở Tư pháp ước tính các cột 1, 3, 8 và 9;

+ Số liệu ước tính Cột 1:; Cột 3:; Cột 8:; Cột 9:

- Đối với Sở Tư pháp cần ghi rõ:

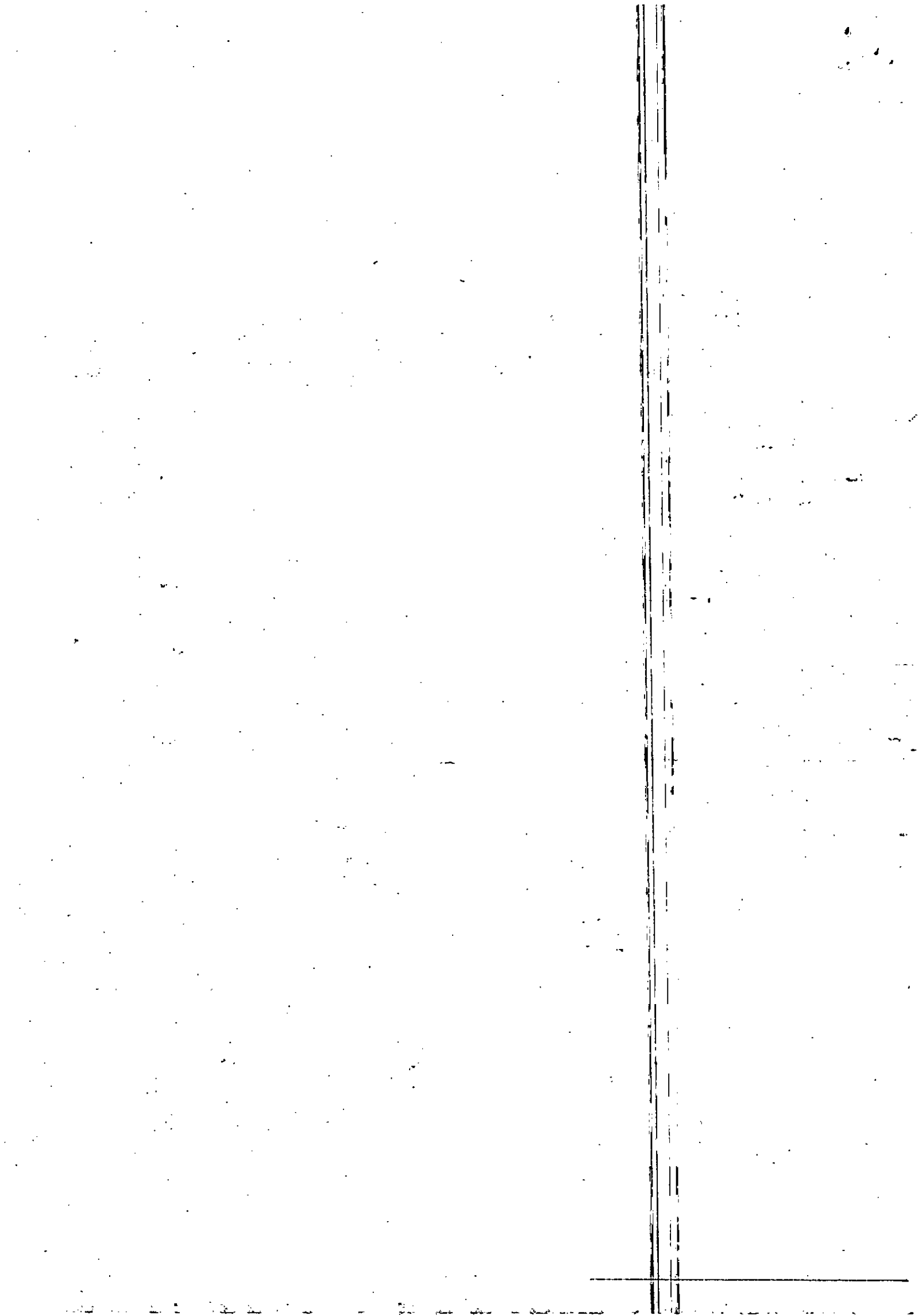
+ Số liệu trong báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của/..... số tổ chức hành nghề luật sư đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

+ Theo quản lý của Sở Tư pháp, số luật sư là thành viên của Đoàn luật sư địa phương là..... luật sư.

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

....., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Biểu số: 31/BTP/BTTP/CC

Ngày nhận báo cáo (BC):

Sở Tư pháp nhận:

BC 6 tháng: ngày 06 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 07 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Bộ Tư pháp (Vụ KHTC) nhận:

BC 6 tháng: ngày 25 tháng 6 hàng năm

BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

TÌNH HÌNH TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG CHỨNG
(6 tháng, năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

- Phòng Công chứng

- Văn phòng Công chứng

- Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

- Sở Tư pháp: nhận báo cáo của Phòng Công chứng,

Văn phòng công chứng

- Bộ Tư pháp (Vụ KHTC): nhận báo cáo của Sở Tư pháp

	Số tổ chức hành nghề công chứng (tổ chức)	Số công chứng viên (người)		Tổng số việc đã công chứng, chứng thực												
				Số việc công chứng						Số việc chứng thực						
		Tổng số	Trong đó: Số công chứng viên hợp danh	Tổng số (việc)	Chia ra		Tổng số thù lao công chứng (đồng)	Tổng số phí công chứng (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Chứng thực bản sao			Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản			
					Công chứng hợp đồng, giao dịch (việc)	Công chứng bản dịch và các loại việc khác (việc)				Số bản sao (bản sao)	Phí chứng thực bản sao (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	Số việc (việc)	Phí chứng thực chữ ký (đồng)	Tổng số tiền nộp vào ngân sách/thuế (đồng)	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	
Tổng số																
Phòng CC																
Văn phòng CC																

- Các phòng công chứng, văn phòng công chứng báo cáo từ cột (2) đến cột (15); các Sở tư pháp báo cáo tất cả các cột trong biểu này;

- Về số liệu ước tính:

+ Số liệu ước tính: 01 tháng đối với báo cáo 6 tháng; 02 tháng đối với báo cáo năm;

+ Số liệu ước tính

Số việc công chứng: Cột 4:; Cột 8:; Cột 9:

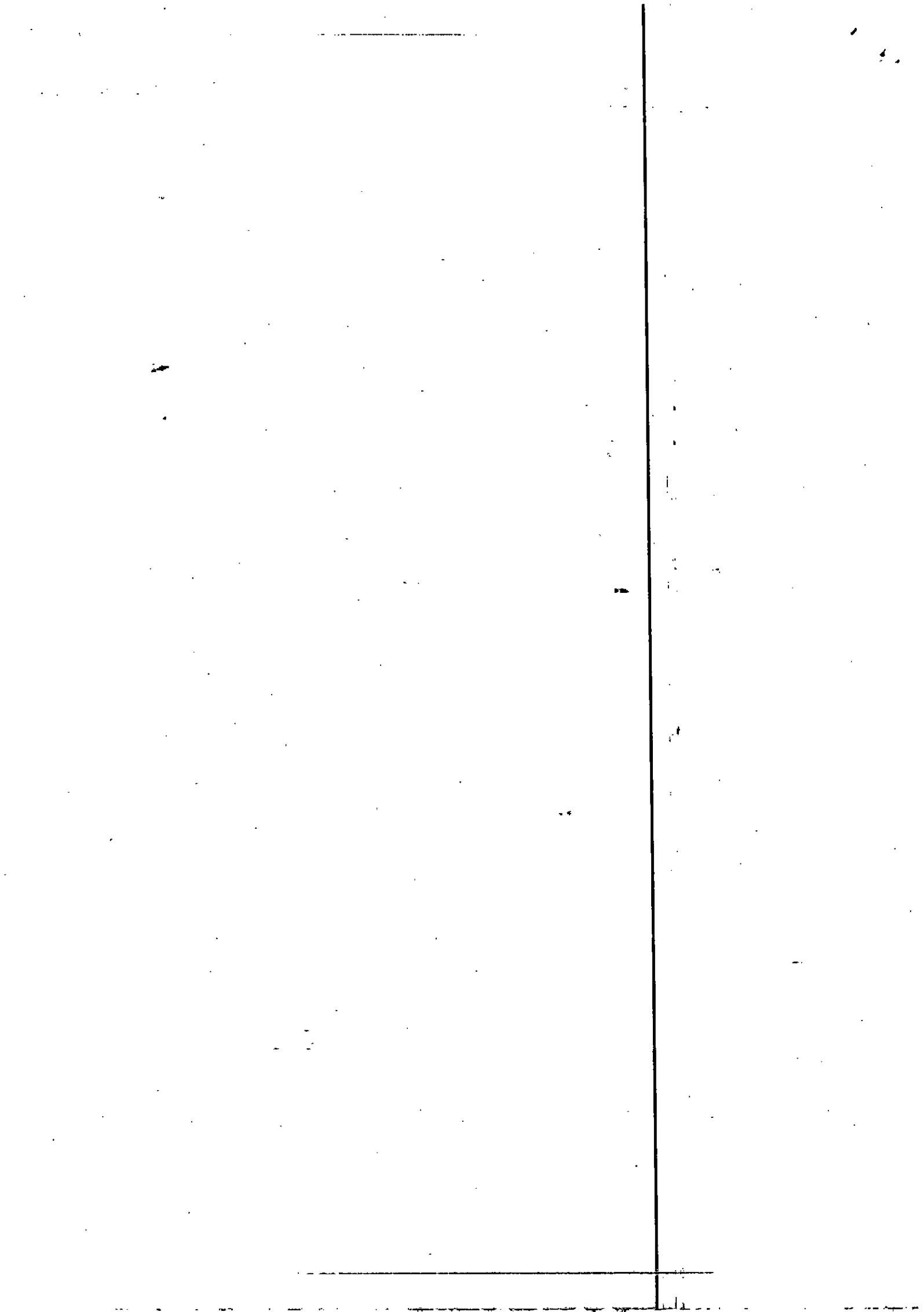
Chứng thực bản sao: Cột 10:; Cột 11:; Cột 12:

Chứng thực Chữ ký: Cột 13:; Cột 14:; Cột 15:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ)

....., ngày tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)



Biểu số 32b/BTP/VĐC/PC

SỐ TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ CÁN BỘ PHÁP CHẾ TẠI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND CẤP TỈNH

Đơn vị báo cáo:

Sở Tư pháp

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Tư pháp

(Vụ Kế hoạch - Tài chính)

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC năm: Ngày 28 tháng 11 hàng năm

- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 3 năm sau

(Năm)

Kỳ báo cáo:.....

(Từ ngày... tháng... năm...

đến ngày... tháng... năm...)

Tên cơ quan/ tên tỉnh, thành phố Trung ương	Tổ chức pháp chế			Công chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)								
	Có tổ chức bộ máy (Phòng/ Ban thuộc cơ cấu)	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức chuyên trách	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức kiêm nhiệm	Tổng số	Chia theo tính chất		Chia theo trình độ chuyên môn				Chia theo thâm niên	
					Chuyên trách	Kiêm nhiệm	Chuyên môn luật			Chuyên môn khác	Từ 5 năm trở lên	Dưới 5 năm
							Trung cấp	Đại học	Sau đại học			
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
Tổng số												
Sở Tài chính												
Sở NNPTNT												
...												

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu số 32a/BTP/VĐC/PC

**SỐ TỔ CHỨC PHÁP CHẾ VÀ CÁN BỘ PHÁP
CHẾ TẠI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC
UBND CẤP TỈNH**

(Năm)

Kỳ báo cáo:.....
(Từ ngày... tháng... năm...
đến ngày... tháng... năm...)

Đơn vị báo cáo:

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy
ban nhân dân cấp tỉnh theo
khoản 1 Điều 9 của Nghị định
số 55/2011/NĐ-CP

Đơn vị nhận báo cáo:

Sở Tư pháp

Ngày nhận báo cáo (BC):

- BC năm: Ngày 18 tháng 11 hàng năm
- BC năm chính thức: Ngày 15 tháng 02 năm sau

Tổ chức pháp chế			Công chức viên chức làm công tác pháp chế (Người)								
Có tổ chức bộ máy (Phòng/ Ban thuộc cơ cấu)	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức chuyên trách	Chưa thành lập tổ chức, cử công chức, viên chức kiêm nhiệm	Tổng số	Chia theo tính chất		Chia theo trình độ chuyên môn				Chia theo thâm niên	
				Chuyên trách	Kiêm. nhiệm	Chuyên môn luật			Chuyên môn khác	Từ 5 năm trở lên	Dưới 5 năm
						Trung cấp	Đại học	Sau đại học			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)

- Số liệu ước tính: 02 tháng đối với báo cáo năm;

- Số liệu ước tính Cột 4:

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)